

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ
SỐ 2075

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2075

LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ

(Cũng gọi là Truyện về đạo mạch thầy trò, cũng gọi là Truyện xác định phải quấy đẹp tà hiển chánh phá hoại tất cả tâm, cũng gọi là Pháp môn tối thượng thừa đốn ngộ)

Căn cứ các kinh truyện như: Kinh Bản Hạnh, kinh Tạp A-hàm, kinh Phổ Diệu, kinh Ứng Thụy, kinh Văn-thù-sư-lợi Niết-bàn, kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh, kinh Vô Cấu Quang Chuyển Nữ Thân, kinh Quyết Định Tỳ-ni, kinh Đại Phật Đảnh, kinh Kim Cang Tam-muội, kinh Pháp Cú, kinh Phật Tạng, kinh Anh Lạc, kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Bát-nhã, kinh Thiền Môn, kinh Niết-bàn, kinh Lăng-già, kinh Tư Ích, kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma, kinh Dược Sư, kinh Kim Cang Bát-nhã, kinh Phó Pháp Tạng, kinh Tây Thăng của Đạo giáo, Truyện Sa-môn Thích Pháp Lâm, Thích Hư Thật Ký, Khai Nguyên Thích Giáo, Chu Thư Dị Ký, Hán Pháp nội truyện, Doãn Hỷ nội truyện, Mâu Tử, Liệt Tử, Phù Tử, Ngô Thư, và các văn lục xưa cổ, cho đến Dương Lăng-già, Nghiệp Đô cố sự, v.v... thì được biết niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba (60) thời Hậu Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) ban đêm mộng thấy có người thân màu vàng ròng cao một trượng sáu thước sau, cổ có vầng ánh sáng tròn bay đi trên sân điện, đến sáng sớm, vua hỏi các triều thần: Đó là điềm gì? Thái sử Phó Nghị tâu trình rằng: Ở phương Tây có bậc Đại thánh gọi là Phật. đó là tượng Phật ấy. Vua Minh Đế hỏi: Vì sao ông biết như vậy? Thái sử Phó Nghị đáp: Trong bộ Chu Thư Dị Ký nói: Năm Giáp Dần dưới thời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976, trước Tây lịch) thời Tây Chu, là năm Phật đản sanh. Đến năm Nhâm Thân dưới thời vua Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước Tây lịch) thời Tây Chu,

là năm Đức Phật diệt độ. Sau một ngàn năm, giáo pháp mới truyền bá đến đất Hán (Trung Hoa) tức là thời nay. Vua Minh Đế bèn sai Lang Trung Thái Âm, Bác sĩ Tần Cảnh, v.v... đi sứ đến xứ Thiên-trúc thỉnh cầu được tôn tượng Phật, hình tượng Bồ-tát, kinh Tứ Thập Nhị Chương, và thỉnh được hai vị Pháp sư là Tôn giả Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan, vua Minh Đế thỉnh lên điện, cúng dường thành Lạc Dương xưa cũ ở phía Tây để xây chùa Bạch Mã.

Đến ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc, núi Hoắc, núi Bạch Lộc như Chử Thiệu Tín, Phí Trai Tài v.v... tất cả gồm sáu trăm chín mươi người đồng dâng biểu văn tấu trình rằng: Thần nghe Thái thượng vô hình, hư vô tự nhiên, từ thời thượng cổ đồng tôn kính, trăm đời vua chẳng đổi thay. Vậy mà nay bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, tìm cầu giáo điển của Tây Vực, hóa độ gọi là Hồ thần. Cái gọi là chẳng thêm, các thần v.v... ở xứ Hoa hạ (Trung Hoa) này phần nhiều có được thông minh, rộng hiểu lược qua các kinh điển. Xin bệ hạ cho phép các thần v.v... được so sánh với họ, nếu có chỗ hơn thì xin dẹp trừ đối trá, còn nếu chẳng bằng, thì mặc tình theo sự trọng quyết. Vua Minh Đế bảo: Chuẩn y, ban sắc cho hữu ty, sắp bày các vật cúng, và các hàng văn võ từ Ngũ phẩm trở lên, các quan liêu trong ngoài, đến rạng sáng ngày rằm đồng nhóm họp tại chùa Bạch Mã. Các đạo sĩ ở ngoài cửa chùa xếp đặt ba đàn, mở hai mươi bốn cửa. Vua đến ngoài phía Nam cửa chùa, thiết đặt xá-lợi và kinh tượng Phật, xếp bày hàng điện bảy báu. Chử Thiệu Tín Phí Trai Tài v.v... dùng đạo kinh, tử thư, phù thuật v.v..., đặt trên đàn, dùng lửa để thử nghiệm. Buồn khóc rơi lệ chú nguyện rằng: Hồ thần nhiều loạn Hoa hạ chúng ta, nguyện xin Thái thượng thiên tôn, hiểu cho chúng sanh được phân biệt rõ ràng chân ngụy. Đạo kinh, tử thư, phù thuật v.v... bị lửa đốt cháy thành tro tàn. Các đạo sĩ kinh ngạc, người trước kia từng bay lên trời nay bay lên trời không được, người trước kia từng ẩn thân nay ẩn thân không được, người trước có khả năng nhảy vào lửa xuống nước nay chẳng dám vào, người trước kia thọ trì cấm chú, nay gọi chẳng thể ứng. Các thứ công năng đều không có một ứng nghiệm. Chử Thiệu Tín, Phí Trai Tài v.v... tự cảm mà chết. Khi ấy, xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm màu xoay tròn như lọng che khắp cả đại chúng, ánh sáng che khuất cả vầng mặt trời. Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng nằm ngồi giữa hư không, thần hóa tự tại, trời mưa hoa báu và tấu nhạc trời, Pháp sư Trúc Pháp Lan dùng Phạm âm khen ngợi, Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng nói bài tụng rằng:

Chôn chẳng phải sư tử

*Đèn chẳng sáng trời trăng
Ao không nập biển lớn
Gò chẳng tốt núi cao.*

Vua Minh Đế rất thỏa lòng, cho phép các hàng Ngũ phẩm trở lên các công hầu trai gái và cả Âm phu nhân v.v..., xuất gia, có sáu trăm đạo sĩ đều nương theo Phật xuất gia. Pháp sư Trúc-Pháp-lan tụng Kinh Công Đức Xuất Gia và Kinh Phật Bốn Sanh, v.v... vua Minh Đế rất vui mừng, cả nước đều quy y theo Phật giáo.

Vua Minh Đế hỏi hai Pháp sư rằng: Phật xưng hiệu là Pháp Vương vì sao không sanh ở nước Hán? Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng đáp: Thành Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của trăm ức nhật nguyệt, là chủ của Tam thiên Đại thiên thế giới, tất cả các rồng thần có phước đều sanh tại nước ấy, do đó, Phật sanh ở nước xứ Thiên-trúc. Vua Minh Đế lại hỏi: Chủng tộc của Phật là ai? sanh ở thời gian nào và diệt ở thời gian nào? Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng đáp: Phật là con của vua Tịnh Phạn, là cháu ngàn đời của vua Kim luân vốn dòng họ Cù-đàm cũng gọi là Thích Chủng. Ngày 15 tháng 07 năm Quý Sửu, từ cung trời Đâu-suất giáng sanh gá thai phu nhân Ma-da, đến ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, ở trong vườn Tỳ-ni, từ hông bên phải của phu nhân Ma-da mà đản sanh. Lại có năm trăm vị trong dòng họ Thích, năm trăm ngựa bạch Kiên trác và Xa-nặc v.v... cùng Phật đồng thời sanh trong ngày mồng 08 tháng 04 đó. Đến ngày 08 tháng 02 năm Nhâm Thân, vượt thành xuất gia. Đến ngày 15 tháng 02 năm Quý Mùi, nhập Niết-bàn. Phật tuy chẳng sanh ở đất Hán, nhưng một ngàn năm sau hoặc năm trăm năm sau, có duyên với các chủng sanh, trước sai các Thánh đệ tử đến đó giáo hóa. Theo Kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: Phía Đông bắc nước Thiên-trúc có nước Chân Đan (Chấn Đán – Trung Hoa), nhân dân phần nhiều chẳng kính tin, kẻ tạo tội rất nhiều. Chúng tôi trước nay đã sai ba vị Thánh đệ tử đều là Bồ-tát đến đó thị hiện hành hóa. Ma-ha Ca-diếp ở đó gọi là Lão tử, Đồng tử Quang Tịnh ở đó gọi là Trọng Ni, Nhu Đồng Minh Nguyệt ở đó gọi là Nhan Hồi, giảng luận Ngũ kinh thi, thư, lễ, nhạc, oai nghi phép tắc để dần dần dẫn dắt giáo hóa, sau đó kinh Phật sẽ truyền đến.

Theo Mâu Tử nói: Xưa kia, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, ban đêm mộng thấy vị thần, thân có ánh sáng như mặt trời bay đến trước sân điện, trong ý vui mừng, tâm rất khoan khoái, đến sáng ngày vua truyền hỏi các quan: Đó là ai? Có Thông sự Xá nhân Phó Nghị tâu rằng: Thần nghe ở Thiên-trúc có bậc đạo đức, được gọi là Phật, nhẹ nâng bay vọt, thân có ánh sáng như vầng nhật, rất mực là

thần. Khi ấy, vua bèn tổ ngộ, liền sai sứ là Trương Khiên, Vũ Lâm Lang Trung, Tần Tiến sĩ, con em trong Vương tôn v.v... tất cả mười hai vị đến nước Đại Nguyệt Chi biên chép lấy Kinh Tứ Thập Nhị Chương của Phật đưa về tại thạch thất Lan đài thứ mười bốn, và tức thời đến phía Tây thành Lạc Dương đóng bít cửa, bên ngoài xây dựng chùa Phật, ở vách tường đó đắp họa ngàn vạn quân tướng của triều đình, nhiều quanh mười ba vòng. Lại trên đài Thanh Lương ở Nam cung và trên cửa Khai Dương, làm hình tượng Phật. Lúc vua Minh Đế còn tại thế, biết tuổi thọ vô thường, nên trước xây dựng thọ lăng, lăng đề là Hiển Tiết. Cũng ở trên đó đắp họa hình tượng Phật. Lúc vua chưa băng, nước nhà giàu có, dân chúng an ổn, các xứ xa đều kính mến nghĩa, đồng đến nương tựa đức, nguyện xin làm thân thiếp. Có cả hàng ức, nên được thụ hiệu là Minh. Từ đó về sau, chung quanh kinh thành cho đến các châu huyện, mỗi nơi đều có chùa Phật, người học nhờ đó mà được đượm nhuần.

Theo Tấn Thư nói: Vua Hoàn Đế đời Tấn muốn trừ bỏ Phật pháp, vời gọi Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn đến, vua hỏi: Từ trước đến nay, Trẫm thấy Tăng Ni giới hạnh chẳng thuần, phần nhiều hủy phạm, trẫm muốn trừ bỏ mà tuyển chọn, hiện nay có được chẳng? Viễn Công đáp: Côn sơn sản sanh ra ngọc, bên trên lẫn tạp với cát bụi, Lệ Thủy Bệ hạ chỉ được kính pháp trọng người, không được khinh người mạn pháp. Vua bèn đại xá.

Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diển 502-550) thời Nam Lương hội cả ba tôn giáo mà nói rằng: Thuở nhỏ học Chu Lễ, đến tuổi hai mươi nghiên cứu sáu kinh, vào tuổi trung niên đọc Đạo thư, có danh và không danh, lúc tuổi về già mở quyển kinh Phật, như mặt trời ánh ngời hóa muôn sao.

Theo Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả Chư Phật lùi vị hoặc làm Bồ-tát, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm vua Chuyển luân, hoặc làm Phạm vương, hoặc làm Quốc Vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Thê nữ trăm quan, hoặc làm quỷ thần có sức mạnh, hoặc làm thần núi, thần ngày, thần đêm, thần lửa, thần nước, thần tất cả mầm mống, thần cây và các ngoại đạo, làm các thứ phương tiện để giúp đỡ Đức Thích-ca Như lai của chúng ta cảm hóa dẫn dắt chúng sanh.

Theo phẩm Đà-la-ni trong kinh Đại Bát-nhã nói: Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, ở phương nào sẽ hưng thịnh? Phật bảo: Xá-lợi-phất! Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi ta nhập Niết-bàn, từ phương Bắc đến phương Đông

bắc dần dần hưng thịnh. Phương đó phần nhiều có Bí-sô, Bí-sô-ni (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni) an trú Đại thừa. Các Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca (cận sự nam, cận sự nữ) y xứ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, phần nhiều tin ưa sâu sắc. Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Sau khi Ta nhập Niết-bàn, thời sau, phần sau, năm trăm năm sau, với pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy ở phương Đông bắc làm Phật sự lớn.

Theo Kinh Phó Pháp Tạng nói: Sau khi Đức Như lai diệt độ, pháp nhãn phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp phó chúc cho A-nan, A-nan phó chúc cho Mạt-điền-địa, Mạt-điền-địa phó chúc cho Thương-na-hòa-tu, Thương-na-hòa-tu phó chúc cho Ưu-ba-cúc-đa, Ưu-ba-cúc-đa phó chúc cho Đề-đa-ca, Đề-đa-ca phó chúc cho Di-già-ca, Di-già-ca phó chúc cho Phật-đà-nan-đề, Phật-đà-nan-đề phó chúc cho Phật-đà-mật-đa, Phật-đà-mật-đa phó chúc cho Tỳ-kheo Hiếp, Tỳ-kheo Hiếp phó chúc cho Phú-na-da-xà, Phú-na-da-xà phó chúc cho Mã Minh, Mã Minh phó chúc cho trưởng lão Tỳ-la, trưởng lão Tỳ-la phó chúc cho Long Thọ, Long Thọ phó chúc cho Ca-na-đề-bà, Ca-na-đề-bà phó chúc cho La-hầu-la, La-hầu-la phó chúc cho Tăng-ca-na-đề, Tăng-ca-na-đề phó chúc cho Tăng-ca-da-xá, Tăng-ca-da-xá phó chúc cho Cưu-ma-la-đà, Cưu-ma-la-đà phó chúc cho Xà-dạ-đa, Xà-dạ-đa phó chúc cho Bà-tu-bàn-đà, Bà-tu-bàn-đà phó chúc cho Ma-noa-la, Ma-noa-la phó chúc cho Hạc-lặc-na, Hạc-lặc-na phó chúc cho Tỳ-kheo Sư Tử, Tỳ-kheo Sư Tử phó chúc cho Xá-na-bà-tư. Xong rồi từ nước xứ Trung Thiên-trúc đi đến nước Kế-tân, vua nước đó tên là Di-đa-la-quật không kính tin Phật pháp, phá hủy chùa tháp, giết hại chúng sanh, kính thờ ngoại đạo Mạt-mạn-ni và Di-sư-ha v.v.... Bấy giờ Tỳ-kheo Sư Tử cố đến giáo hóa nước đó. Vua đó vô đạo, tự tay cầm kiếm sắc bén, miệng bảo: Nếu là bậc Thánh, thì tất cả các sư v.v... phải răn hình. Khi ấy Tỳ-kheo Sư Tử thị hiện thân hình tuôn trào sữa trắng, còn Mạt-mạn-ni, Di-sư-ha, v.v... bị tử hình như người phạm máu đổ đầy đất, vua đó bèn phát tâm quy hướng về Phật, liền vâng mạng theo đệ tử của Tỳ-kheo Sư Tử, Tỳ-kheo Sư Tử trước kia đã phó chúc cho Xá-na-bà-tư và đã vào nước xứ Nam Thiên-trúc rộng hành giáo hóa, độ thoát chúng sanh. Vua liền đuổi tìm đệ tử của ngoại đạo Mạt-mạn-ni và đệ tử của Di-sư-ha được rồi đưa đến trước sân triều dựng giá treo đầu, mọi người cả nước đồng bắn. Vua nước Kế-tân ra lệnh khiến các nước nếu có pháp (ngoại đạo) ấy thì đuổi ra khỏi nước. Nhờ vào Tỳ-kheo Sư Tử mà Phật pháp hưng thịnh lại. Xá-na-bà-tư lại phó chúc cho Ưu-ba-quật, Ưu-ba-quật phó chúc cho Tu Bà-mật-đa, Tu Bà-mật-đa phó chúc cho Tăng-ca-la-xoa, Tăng-ca-la-

xoa phó chúc cho Bồ-đề-đạt-ma-đa-la. Tại các nước ở Tây Vực có hai mươi chín đời, trừ Đạt-ma-đa-la tức là còn hai mươi tám đời.

Có Sa-môn Tịnh Giác Sư ở Đông Đô là đệ tử của Thiền sư Thần Tú ở Ngọc tuyến, soạn bộ Lăng-già Sư Tư Huyết Mạch Ký một quyển, vọng dẫn Tam tạng Pháp sư Câu-na-bạt-đà thời nhà Tống là Tổ thứ nhất, không biết căn do hoặc loạn người học sau rằng: Thầy của Bồ-đề-đạt-ma là Câu-na-bạt-đà. Tự cho rằng Tam tạng dịch kinh là người học tiểu thừa chẳng phải là Thiền sư. Phiên dịch ra kinh Lăng-già bốn quyển chẳng phải mở nhận kinh Lăng-già cùng Tổ sư Đạt-ma. Tổ sư Đạt-ma từ trước sau hai mươi tám đời trước sau truyền nhau tiếp đến Tăng-ca-la-xoa. Về sau, Đại sư Tuệ Khả thân gần đến chùa Thiếu Lâm ở núi Tung cao hỏi Tổ sư Đạt-ma, tiếp nhận tương truyền từ trước, tự có văn lý rõ ràng. Sa-môn Tịnh Giác Sư vọng dẫn Câu-na-bạt-đà xưng làm Tổ thứ nhất, rất hoặc loạn học pháp. Trong Kinh Pháp Hoa chép: Không cho phép gần gũi người học Tiểu thừa. Tam tạng Pháp sư Câu-na-bạt-đà dịch kinh Lăng-già bốn quyển, lấy tên là A-bạt-đà Bảo Lăng-già Kinh, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi ở đời Ngụy dịch ra mười quyển, lấy tên là Kinh nhập Lăng-già. Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đà ở đời Võ Tắc Thiên thời Tiên Đường dịch ra bảy quyển, lấy tên là Kinh Nhập Lăng-già. Trên đây là các Tam tạng Pháp sư dịch kinh, chẳng phải Thiền sư, đều truyền văn tự giáo pháp. Tông đồ của Tổ sư Đạt-ma Thiền pháp không đem một chữ giáo lại, lặng truyền tâm ấn.

Thiền sư Bồ-đề-đạt-ma-đa-la, Tổ thứ nhất ở đời Lương, vốn là con thứ ba của vua nước xứ Nam Thiên-trúc, xuất gia từ thưở nhỏ, sớm bảm thọ dòng tộc của thầy, ngay lời nói ra liền tỏ ngộ, mở mang hoàng hóa tại Nam Thiên-trúc, làm các Phật sự lớn. Bấy giờ quán sát thấy chúng sanh ở đất Hán có căn tánh với Đại thừa Thiền, mới sai đệ tử Phật-đà-da-xá hai vị đến đất Tấn, giảng nói giáo pháp Đốn ngộ. Các Đại đức ở đất Tấn chợt nghe nên phát sanh nghi ngờ đều không tin nhận. Bị xua đuổi, Phật-đà-da-xá bèn đến chùa Đông Lâm ở Lô sơn. Khi ấy có Pháp sư Tuệ Viễn hỏi: Đại đức đem giáo điển gì đến mà bị xua đuổi như vậy? Khi ấy hai Bà-la-môn duỗi xoe tay hỏi Pháp sư Tuệ Viễn rằng: Tay làm nắm tay, nắm tay làm tay, có phải là việc nhanh chóng chăng? Pháp sư Tuệ Viễn đáp: Rất nhanh. Hai Bà-la-môn nói: Đó chưa phải là nhanh. Phiền não tức Bồ-đề, ấy mới là nhanh. Pháp sư Tuệ Viễn mới thấu đạt sâu xa, biết Bồ-đề và phiền não vốn chẳng khác. Bèn hỏi lại rằng: Pháp ấy ở nước kia là từ ai học? Hai Bà-la-môn đáp: Thầy ta là Đạt-ma-đa-la. Pháp sư Tuệ Viễn đã kính tin sâu sắc, bèn phiên dịch ra bộ Thiền môn

Kinh một quyển, tỏ rõ đầy đủ Thiên pháp Đại thừa Tiểu thừa. Những vị truyền pháp ở các nước xứ Tây Vực cũng dẫn nêu đầy đủ lời tựa Thiên Kinh trên. Hai Bà-la-môn dịch kinh xong, thị tịch cùng ngày, an táng tại Lô sơn, tháp miếu hiện nay vẫn còn. Đạt-ma-đa-la nghe hai đệ tử đến đất Hán hoàng hóa mà không người tin nhận, bèn đi theo đường biển mà đến. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương đích thân ra ngoài thành đón rước, mời lên điện, hỏi rằng: Hòa-thượng từ nước kia đem pháp gì đến giáo hóa chúng sanh? Đại sư Đạt-ma đáp: Không đem một chữ giáo điển nào đến. Vua Võ Đế lại hỏi: Trẫm tạo lập chùa, độ người, biên chép kinh điển, đúc tôn tượng, có công đức gì không? Đại sư Đạt-ma đáp: Không có công đức gì. Đó đều là những việc lành hữu vi, chẳng phải công đức chân thật. Vua Võ Đế là kẻ phàm tình chẳng hiểu. Đại sư Đạt-ma bèn tạ từ ra khỏi nước, nhìn về hướng Bắc có khí Đại thừa, Đại sư Đạt-ma bèn đến đất Ngụy ở núi Tung cao, tiếp nhận dẫn dắt các hạng người suốt sáu năm, người học đến đông nhiều như mây giăng mưa nhóm, thợ lúa, mè, tre, lau, mà chỉ có Đại sư Tuệ Khả thấu đạt được phần tủy đó.

Bấy giờ, ở triều Ngụy, có Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, luật sư Quang Thống trộn chất độc trong thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma. Ăn xong, Đại sư Đạt-ma đòi lấy cái mâm và ói ra con rắn lớn đầy một thăng. Lại lần khác trộn chất độc trong thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma, Đại sư Đạt-ma ăn xong đến ngồi trên tảng đá lớn, chất độc tiết ra vỡ vụn tảng đá. Trước sau có đến sáu lần bị thuốc độc hại như vậy. Đại sư Đạt-ma bảo các đệ tử rằng: Ta đến đây vốn vì truyền pháp, nay đã bị người ám hại, ở lâu nơi đây đâu ích gì? Bèn truyền trao một pháp y ca-sa, lấy làm pháp tín, bảo Tuệ Khả rằng: Ta duyên độc này, ông cũng chẳng khỏi nạn này, đến đời thứ sáu, mạng người truyền pháp chỉ như thợ treo. Nói xong vì chất độc hại mà qua đời. Đại sư Đạt-ma thường tự nói: Ta sống thọ một trăm năm mươi tuổi. Nhưng thật ra không biết Sư bao nhiêu tuổi.

Đại sư Đạt-ma bảo: Ở (Trung Hoa) đời Đường này có ba người chứng đắc pháp ta. Một người được phần tủy của ta, một người được phần xương của ta và một người được phần thịt của ta. Người được phần tủy của ta chính là Tuệ Khả, người được phần xương của ta là Đạo Dục, người được phần thịt của ta là cô Ni Tổng Trì. Xong, an táng tại núi Hùng nhĩ ở Lạc châu. Khi ấy Ngụy triều quốc sứ Tống Vân đi từ Tây Vực về, gặp Đại sư Đạt-ma tại Thông Lãnh trên tay xách một chiếc giày, Tống Vân hỏi: Đại sư đi đâu? Đại sư Đạt-ma đáp: Ta trở về quê

cũ, vua nước ông ngày nay đã băng. Tống Vân ghi nhớ điều đó lại hỏi: Sau khi Đại sư đi, Phật pháp phó chúc cho ai? Đại sư Đạt-ma đáp: Sau khi ta đi bốn mươi năm, có một vị tăng la-hán, đó là Tuệ Khả. Tống Vân về triều đình, vua trước quả thật đã băng, vua mới lên ngôi. Tống Vân báo với các triều thần rằng: Đại sư Đạt-ma tay xách một chiếc giày đi về Tây Vực. Đại sư bảo: Vua nước ông ngày nay băng. Thật đúng như lời ấy. Các triều thần không tin, bèn khai quật phần mộ Đại sư, thì chỉ có một chiếc giày. Vua Võ Đế ở Nam Lương dựng văn bia, nói (Đại sư Đạt-ma) là đệ tử của Bát-nhã-mật-đa-la ở nước Tây Vực đến xứ Trung Hoa có ba người đệ tử, là Đạo Dục, cô Ni Tổng Trì v.v... chỉ có Tuệ Khả được tiếp thừa y bát đặc pháp.

Thiền sư Tuệ Khả, Tổ thứ hai ở đời Bắc Tề, vốn người dòng họ Cơ ở xứ Võ Lao. Bấy giờ đã bốn mươi tuổi, phụng thờ Đại sư Đạt-ma suốt sáu năm, mới đầu tên là Thần Quang. Lúc mới phụng thờ, đứng trước Đại sư Đạt-ma, đêm đó tuyết lớn phủ quá eo, mà vẫn không thay đổi tư thế. Đại sư Đạt-ma bảo: Người cầu pháp, chẳng tiếc thân mạng. Đại sư Tuệ Khả bèn chặt cánh tay tuôn trào sữa trắng. Đại sư Đạt-ma im lặng truyền trao tâm khế, giao phó pháp y ca-sa, và bảo: Ta duyên độc này, ông cũng chẳng khởi. Hãy khéo tự gìn giữ. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Hòa-thượng, pháp này tại bản quốc tiếp thừa từ trước hoàng truyền phó chúc, xin vì nói lại. Đây đủ như trong lời tựa Thiền Kinh trên nói. Lại hỏi: Ở nước Tây Vực, người nào tiếp thừa sau cũng y ca-sa làm pháp tín chẳng? Đại sư Đạt-ma đáp: Người ở nước Tây Vực kính tin, không có lừa dối, người tiếp thừa sau là Bát-nhã ba-la-mật-đa-la, người tiếp thừa sau chẳng truyền y pháp ca-sa. Còn chúng sanh ở nước Trung Hoa đời Đường, phần nhiều có tánh Đại thừa, dối nói đặc đạo quả, bèn phải truyền ca-sa lấy làm pháp tín. Thí như con vua chuyển luân rưỡi nước trên đánh được bảy báu chân thật, tiếp nối ngôi vua. Người được pháp y này tiêu biểu cho pháp chánh tương thừa.

Đại sư Tuệ Khả được phó chúc rồi từ đó về sau suốt bốn mươi năm ẩn tại Nghê sơn giữa Tương châu và Lạc châu, về sau dẫn dắt, kẻ tăng người tục đến tựa nương, số đông chẳng thể tính kể. Qua hai mươi năm hoàng hóa, lúc có nạn khởi, lại bị đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi và luật sư Quang Thống muốn làm tổn hại Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ Khả phó chúc cho tăng xá rồi, vào núi Tư không ẩn cư. Sau Đại sư Tuệ Khả giả điên cuồng đến ngã tư đường cái giảng nói pháp. Mọi người nhóm họp rất đông, đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi bảo Đại sư Tuệ Khả là yêu dị, tấu

trình ban sắc bảo sở ty suy hỏi Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ Khả đáp thừa nhận là yêu dị, sở ty biết chúng bệnh, khiến Đại sư Tuệ Khả xét, Đại sư xác thật đáp: Ta thật là yêu dị. Bèn ban sắc huyện lệnh Thành an là Địch Xung Khản y theo pháp xử hình. Đại sư Tuệ Khả bảo mọi người rằng: Pháp ta đến đời Tổ thứ tư hóa thành danh tướng. Nói xong, buồn lệt, liền thị hiện thân hình tuôn đổ sữa trắng, sắc thịt vẫn như thường. Sở ty tấu trình, vua nghe vậy bèn hối lỗi cho rằng đây thật là Bồ-tát! Cả triều đình phát tâm, Phật pháp trở lại hưng thịnh, bấy giờ Đại sư Tuệ Khả hưởng thọ một trăm lẻ bảy tuổi, an táng lập mộ cách năm dặm về phía Bắc sông Tử mạch huyện Thành An thuộc Tương châu, Đông liêu cấu cách mộ một trăm bộ, về phía Tây nam mười lăm dặm là cửa Ngô Nhi Tào. Trong Lăng-già Nghiệp Đô Cố Sự có ghi chép đầy đủ đệ tử của Đại sư là Tăng Xán tiếp thừa sau được truyền y đặc pháp. Về sau, Sa-môn Thích Pháp Lâm tạo lập văn bia.

Thiền sư Tăng Xán, Tổ thứ ba ở đời Tùy, không rõ Đại sư là người xứ nào, mới đầu đến gặp Đại sư Tuệ Khả, Đại sư Tăng Xán hiện tướng bệnh phong đến giữa Đại chúng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông từ đâu đến? Nay có việc gì? Đại sư Tăng Xán đáp: Cố đến Hòa-thượng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông là người bệnh phong, đến gặp ta đâu có ích lợi gì? Đại sư Tăng Xán đáp: Thân tuy bị bệnh, nhưng tâm người bệnh và tâm Hòa-thượng không có khác gì. Đại sư Tuệ Khả biết Đại sư Tăng Xán là người chẳng phải tầm thường, bèn phó chúc Đại pháp và pháp y, đồng thời bảo: Ông nên khéo giữ gìn, tôi bị hoạn nạn, ông nên lánh đi.

Đại sư Tăng Xán cũng già vờ điên cuồng đến chỗ quán chợ, sau đến ẩn cư tại núi Tư không ở Thư châu, gặp lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu pháp diệt Phật pháp, Đại sư Tăng Xán bèn đến ẩn cư ở núi Nghê công hơn mười năm. Núi đó từ trước có nhiều thú dữ làm tổn hại người ở, từ khi Đại sư Tăng Xán đến ở thì đều chúng đều ra khỏi cảnh Vực ấy. Đại sư Tăng Xán phó chúc Đại pháp và pháp y ca-sa cho Đạo Tín, sau đó có Thiền sư Nghê, Thiền sư Nguyệt, Thiền sư Định, Thiền sư Nham đến chỗ Đại sư Tăng Xán nói rằng: Từ khi Tổ sư Đạt-ma phó chúc Đại pháp, Xán Công đây thật là Thần Xán, định tuệ kiên dùng, sâu sắc chẳng thể nghĩ bàn Đại sư tăng xán liền cùng với các Thiền Sư đến núi La Phù ẩn cư trong ba năm.

Về sau, đến dự đại trai hội, Đại sư Tăng Xán ra bảo mọi người rằng: Nay ta muốn ăn. Các đệ tử kính dâng thức ăn uống. Đại sư ăn xong, bảo mọi người rằng: Các người hoàn toàn còn nương tựa, chỉ có tôi là sống chết tự do. Nói xong, Đại sư đưa tay chống câu gậy đứng

giữa đại chúng an nhiên thị tịch, không biết đại sư Tăng Xán thọ bao nhiêu tuổi. Tháp miếu nay hiện còn bên cạnh chùa tại núi Nghê. Đại sư có đệ tử rất đông, chỉ có Đại sư Đạo Tín được truyền pháp y và đặc pháp kế thừa. Về sau, Tiết Đạo Hành soạn văn bia thờ Đại sư Tăng Xán.

Thiền sư Đạo Tín, Tổ thứ tư ở thời Tiền Đường. Đại sư Đạo Tín vốn người dòng họ Tư Mã, người xứ Hà nội, xuất gia từ thuở thiếu thời, tôn thờ Đại sư Tăng Xán. Đại sư Tăng Xán biết Đạo Tín là đặc khí, trọn ngày đêm thường ngồi chẳng nằm, hơn sáu mươi năm, lưng chẳng hề dính chiếu, oai thần kỳ đặc, mắt thường chẳng nhìn, nếu nhìn người, thì người thấy liền kinh sợ. Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Đại sư Đạo Tín xa thấy ở Cát châu, giặc cuồng vây quanh thành có hơn trăm ngày, suối giếng khô cạn, Đại sư bèn vào thành khuyên dụ các đạo tục, khiến thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Giặc cuồng tự rút lui, suối giếng trong thành đầy nước lại. Đại sư Đạo Tín lại xa thấy tại núi Phá đầu ở Hoàng mai thuộc Kỳ châu có mây tím như lọng che, bèn đến đó ở, về sau đổi tên là núi Song phong.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Hoàng đế Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) sai sứ đến núi Song Phong thỉnh Thiền sư Đạo Tín vào nội cung. Thiền sư Đạo Tín lấy cơ già yếu, chối từ chẳng đến. Kẻ sứ trở về tâu vua rằng: Thiền sư Đạo Tín lấy cơ già từ chối không đến. Vua sai kẻ sứ đến thỉnh nữa. Sứ đến chỗ Thiền sư Đạo Tín thưa: Tấu trình, vua bảo đến thỉnh Thiền sư. Thiền sư Đạo Tín khổ nhọc lấy cơ già chối từ chẳng đến, bảo với sứ rằng: Nếu cần lấy đầu ta thì cứ mặc tình lấy, chứ ta không bao giờ đi. Sứ trở về tấu trình vua rằng: Thiền sư bảo nếu cần đầu thì cứ chém lấy chứ tâm cố chẳng đi. Vua sai sứ lại lấy đầu Thiền sư, nhưng căn dặn rằng: Chớ làm tổn hại Hòa-thượng. Sứ đến chỗ Thiền sư Đạo Tín thưa: Vâng phụng sắc ban đến lấy đầu Hòa-thượng, Thiền sư có đi hay không? Thiền sư Đạo Tín đáp: Ta không bao giờ đi. Kẻ sứ nói: Vâng sắc nếu Thiền sư không lại, thì chém đầu đem đi. Thiền sư Đạo Tín ngẩng đầu bảo: Hãy chém đi. Sứ trở trái dao cửa cổ. Thiền sư Đạo Tín bảo: Sao không chém, đợi đến lúc nào? Kẻ sứ thưa: Vâng sắc không cho làm tổn hại Hòa-thượng. Thiền sư Đạo Tín cười lớn, bảo: Dạy người biết có người xử.

Sau đó, Thiền sư Đạo Tín làm các Phật sự lớn, mở rộng pháp môn, dẫn dắt đạo địa, các bậc long tượng ở bốn phương đều đến nương tựa quy y. Trải qua hơn ba mươi năm, chỉ có Hoằng Nhẫn phụng thờ đặc ý. Thiền sư Đạo Tín phó chúc Đại pháp và pháp y ca-sa cho Hoằng Nhẫn xong, bảo đệ tử là Sư Nguyên Nhất cùng tướng ra cạnh núi làm một

long khám, và phải hoàn thành sớm. Sau đó, Thiền sư Đạo Tín hỏi Sư Nguyên Nhất: Long khám đã thành chưa? Sư Nguyên Nhất đáp: Công việc đã hoàn tất. Đến ngày 24 tháng 09 nhằm niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ hai (651) thời Tiên Đường, Thiền sư Đạo Tín vốn không tật bệnh gì ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. An táng, sau một năm, cửa đá tự nhiên mở, dung mạo Thiền sư vẫn ngồi thẳng như ngày trước. Hoàng Nhẫn v.v... lại phụng kính thần oai nghi chẳng dần nổi sự cảm mến, bèn đến chỗ tôn dung sơn phết thêm, từ đó về sau không dám mở ra nữa. Thiền sư Đạo Tín có đệ tử rất đông, chỉ có Hoàng Nhẫn được truyền pháp y đặc pháp kế thừa, sau đó, Trung thư lệnh Đỗ Chánh Luân soạn văn bia thờ Thiền sư Đạo Tín.

Thiền sư Hoàng Nhẫn, Tổ thứ năm thời Tiên Đường. Đại sư họ Chu, người ở xứ Hoàng Mai. Năm bảy tuổi, phụng thờ Thiền sư Đạo Tín, năm mười ba tuổi vào đạo đắp mặc pháp y. Đại sư tánh tình như cây gỗ chậm rãi trầm lắng, chúng bạn đồng học khinh cười, Đại sư vẫn im lặng không đáp. Thường siêng năng làm việc, dùng lễ đối đãi người dưới mình. Ban ngày thì lẩn lộn làm việc cung cấp, ban đêm thì ngồi thẳng nhiếp niệm đến sáng, chẳng hề lười biếng. Suốt ba mươi năm chẳng rời xa Thiền sư Đạo Tín. Đại sư thân cao tám thước, dung mạo khác người thường. Sau khi được phó chúc Đại pháp, Đại sư đến ở núi Bằng mật cách núi Song phong không xa. Người thời bấy giờ gọi Đại sư là Pháp sư Đông Sơn, tức chỉ núi Bằng mật, chẳng phải Tung Sơn. Bấy giờ, có bọn giặc cuồng là Khả-đạt-hàn-nô-lục v.v... vây quanh châu thành vài vòng, không có đường vào, chim bay chẳng thông, Đại sư xa thấy, bèn đến thành đó. Bọn giặc rút lui chạy tan, bảo với nhau rằng: Có vô lượng Kim Cang cầm chày rượt đuổi tôi, trừng mắt nghiêng răng, chúng tôi chạy tan tác. Đại sư Hoàng Nhẫn liền trở lại núi Bằng mật.

Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ năm (660) thời Tiên Đường, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) ban sắc sai sứ đến núi Bằng mật ở Hoàng Mai thỉnh Đại sư Hoàng Nhẫn. Đại sư chẳng đến chỗ thỉnh. Vua lại sai sứ đến thỉnh tiếp, Đại sư cũng không đến. Vua bèn sắc ban đưa các thứ y phục thuốc thang đến núi Bằng mật cúng dường. Sau hơn bốn mươi năm dẫn dắt giáo hóa các đạo tục, các bậc long tướng ở bốn phương đều tìm đến nương tựa. Đại sư bèn phó chúc Đại pháp và pháp y cho Huệ Năng. Sau đó, đến niên hiệu Hàm Hanh năm thứ năm (674) thời Tiên Đường, Đại sư bảo đệ tử là Thiền sư Huyền Tích: Ông nên vì tôi mà xây dựng tháp. Đến ngày 14 tháng 02, Đại sư hỏi: Tháp đã hoàn thành chẳng? Thiền sư đáp: Công việc đã hoàn tất. Đại sư bảo: Không thể

cùng Phật đồng nhập Niết-bàn trong ngày 15 tháng 02. Đại sư lại bảo: Một đời tôi giáo hóa dạy người rất đông, trừ Tuệ Năng ra còn có mười vị, như sư Thần Tú, sư Trí Sần, sư Trí Đức, sư Huyền Tích, sư Lão An, sư Pháp Như, sư Tuệ Tạng, sư Huyền Ước, Lưu Vương Bạc, tuy chẳng lia quanh ta, mà các vị nên mỗi người tự làm thầy một phương.

Về sau, đến ngày 11 tháng 02 niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (675) thời Tiền Đường, Đại sư Hoàng Nhẫn an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Các đệ tử, chỉ có Huệ Năng được truyền trao pháp y, đặc pháp kế thừa tiếp theo. Học sĩ Lư Khâu Quân soạn văn bia thờ Đại sư Hoàng Nhẫn.

Thiền sư Huệ Năng ở Tào Khê thuộc Thiều châu Tổ thứ sáu thời Tiền Đường. Đại sư họ Lô ở Phạm Dương, theo thân phụ làm quan tại Lĩnh ngoại nên đến ở Tân châu. Năm hai mươi hai tuổi, Đại sư đến núi Bằng mạo lễ bái Đại sư Hoàng Nhẫn. Mới đầu, Đại sư Hoàng Nhẫn hỏi: Ông từ xứ nào đến? Đại sư đáp: Từ Tân châu đến, chỉ cầu thành Phật. Đại sư Hoàng Nhẫn bảo: Ông người xứ Tân châu là mọi rợ, làm sao thành Phật được. Đại sư đáp: Thân tuy có mọi rợ nhưng Phật tánh đâu khác Hòa-thượng. Đại sư Hoàng Nhẫn biết được tâm tánh tỏ ngộ của Đại sư, muốn bàn nói nữa, nhưng vì mọi người chung quanh để ý nên bảo Đại sư theo Đại chúng đập chày giã gạo, suốt tám tháng tiếng chày giã tương tự chẳng thay đổi. Đại sư Hoàng Nhẫn đến chỗ giã gạo nói trong kín nhiệm, chỉ thẳng thấy tánh, đêm đó ngâm gọi vào phòng, suốt ba ngày đêm cùng bàn nói, sau đó trao cho Đại pháp và pháp y ca-sa: Nay ông làm bậc Đại sư của thế giới này. Và khiến hãy đi gấp, Đại sư Hoàng Nhẫn tự đưa tiễn qua trạm Cửu giang, nhìn Đại sư vượt qua sóng lớn rồi trở về, cả đồ chúng đều không hay biết Đại sư Hoàng Nhẫn đã truyền trao đại pháp và pháp y cho Huệ Năng. Ba ngày sau, Đại sư Hoàng Nhẫn bảo đồ chúng rằng: Các ông hãy giải tan ở ta không có Phật pháp, Phật pháp đã truyền bá qua Lĩnh nam. Mọi người đều kinh ngạc vội hỏi nhau: Lĩnh nam có ai? Khi ấy có Thiền sư Pháp Như ở Lộ châu đáp: Huệ Năng vốn ở xứ đó. Mọi người tranh nhau đuổi theo, trong chúng có một quan tướng quân Tứ phẩm, xả bỏ quan chức vào đạo, tên là Tuệ Minh. Ở gần Đại sư Hoàng Nhẫn đã lâu mà không khế ngộ. Nghe lời nói ấy của Đại sư Hoàng Nhẫn liền suốt đêm ngày đuổi theo đến đỉnh núi Đại Canh, gặp Đại sư Huệ Năng, Đại sư Huệ Năng lo ngại sợ tánh mạng không an toàn, bèn đem bình bát pháp y ca-sa trao cho sư Tuệ Minh, sư Tuệ Minh thưa: Tôi không vì ca-sa mà đến đây, ngày Đại sư Hoàng Nhẫn bảo ra đi, có dạy bảo điều gì, xin nói cho tôi nghe. Đại

sư Huệ Năng liền giảng nói tâm pháp chỉ thẳng thấy tánh. Sư Tuệ Minh nghe pháp xong, chấp tay đánh lễ, khuyên Đại sư Huệ Năng hãy mau vượt qua lãnh vì phía sau còn có nhiều người đuổi theo, Thiền sư Tuệ Minh về sau đến ở Tượng sơn, đệ tử cũng chỉ có Khán Tịnh.

Đại sư Huệ Năng đến Tào Khê ở Thiều châu, suốt hơn bốn mươi năm Khai đạo hoằng hóa, các đạo tục đua nhau đến nương tựa. Sau đó, đến niên hiệu Cảnh Vân năm thứ hai (711) thời Tiền Đường, Đại sư Huệ Năng bảo đệ tử là lập Giai đến Long sơn ở Tân châu xây tháp. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ nhất (712) thời Tiền Đường, Đại sư hỏi: Tháp đã xây xong chưa? Lập Giai đáp: Đã xây xong. Tháng chín năm đó, từ Tào Khê, các Thiền sư Lập Giai, Trí Hải v.v... hỏi Đại sư Huệ Năng rằng: Sau này ai là người đắc pháp tiếp nối truyền pháp y ca-sa? Đại sư đáp: Các ông chớ hỏi, từ nay về sau có lắm nạn khởi mạnh dữ, ta vì pháp y ca-sa này mà đã mấy lần gần đánh mất thân mạng. Pháp y ca-sa ở Đại sư Đạo Tín đã có ba lần bị trộm cắp, lúc ở đời Đại sư Hoàng Nhẫn cũng ba lần bị mất cắp, đến đời ta lại có sáu lần mất cắp. Pháp y ca-sa ta này các người nam nữ lấy mang đi. Các ông chớ đến hỏi ta. Nếu các ông muốn biết pháp ta như thế nào thì sau khi ta diệt độ ngoài hai mươi năm, ai dựng lập tông chỉ ta thì đó là người đắc pháp.

Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713) thời Tiền Đường, bỗng nhiên đại sư bảo Đại chúng rằng: Tôi sắp đi đây. Đến đêm mồng ba tháng tám, Đại sư Huệ Năng an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi. Khi ấy tại Tào Khê, khe rạch mất dòng, suối ao khô cạn, mặt trời mặt trăng không tỏa sáng, cây rừng biến thành màu trắng, có mùi thơm lạ phảng phất suốt ba ngày ba đêm không dứt. Năm đó đến chùa Quốc Ân ở Tân châu đón rước thân tòa của Đại sư, đến tháng mười một, an táng tại Tào Khê. Có Sa-môn Thừa Vi trú tại chùa Thái Thường soạn văn bia thờ Đại sư. Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ bảy (719) thời Tiền Đường, bị người mài giũa đổi khắc riêng tạo văn bia. Đời gần đây, Báo tu thị lang Tống Đảnh soạn lại văn bia thờ Đại sư Huệ Năng.

Từ khi giáo pháp truyền đến Trung Hoa, trước tiên khoảng trong ba trăm năm, đều không có sự tương phép tắc. Sau nhân trong đời Thạch-lặc nhà Tấn, có Pháp sư Đạo An đệ tử của Phật Đồ Trường ở Tương dương. Phù Kiên nhà Tần xa nghe tiếng tăm Pháp sư Đạo An bèn sai sứ đến đánh Tương dương thỉnh Pháp sư đạo An, vua Tần kính trọng thấy gặp, các hàng con em áo mũ ở Trường An làm thơ phú phú tụng đều nương tựa cầu học. Kể nào không nương tựa Pháp sư Đạo An, nghĩa chẳng trúng là

nạn. Pháp sư Đạo An là bậc có trí tuệ thông minh. Sau lại tạo lập chương môn, làm khuôn phép cho Tăng Ni, hiến chương của Phật pháp, phép tắc thọ giới. Điều tắc được chia làm ba, đó là: Một là Hành hương định tọa; hai là mỗi ngày sáu thời lễ bái; ba là mỗi tháng Bồ-tát sám hối lỗi lầm. Sự tướng oai nghi, Pháp sư chú nguyện v.v... đều xuất phát từ Pháp sư Đạo An. Đời gần đây có vị Tăng ở đất Thục nối tiếp Pháp sư Đạo An soạn Trai Văn bốn quyển, hiện lưu hành ở đời.

Kinh Lăng-già nói: Cho đến có chỗ lập, tất cả đều sai lầm, nếu thấy ở tự tâm, thì là không trái cải. Lại nói: Nếu nương tựa chút Pháp, mà có chút pháp khởi, nếu nương tựa vào sự, pháp ấy liền rã hoại. Lại nói: Theo lời mà lấy nghĩa, kiến lập các pháp, vì kia có kiến lập, chết đọa vào địa ngục. Lại nói: Cầu ta trong lý giáo, là vọng lìa cấu ác, lìa chánh lý Thánh giáo, muốn diệt lại tăng thêm, là ngoại đạo lừa dối, kẻ trí không nên nói.

Theo kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả các tướng, tức gọi là Chư Phật lại nói: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành đọa tà, chẳng thể thấy Như lai.

Kinh Tư Ích nói: Tỳ-kheo thế nào là theo Phật giáo? Thế nào là theo lời Phật? Nếu với ngợi khen hay chê bai mà tâm không lay động, đó là theo Phật giáo. Lại đáp rằng: Nếu chẳng nương tựa văn tự ngữ ngôn, gọi là theo lời Phật. Tỳ-kheo thế nào là nên thọ cúng dường? Đáp rằng: Người nương theo pháp tu hành. Các Thiên Tiểu thừa và các môn Tam-muội, chẳng phải là tông chỉ của Tổ sư Đạt-ma. Nêu danh như sau: Quán xương trắng, quán hơi thở, quán chín tướng, năm pháp quán dừng tâm, quán mặt trăng, quán mặt trời, quán lâu đài, quán ao hồ, Quán Phật. Lại theo kinh Thiên Bí Yếu nói: Người bị bệnh nóng, tưởng quán mát lạnh. Người bị bệnh lạnh, tưởng quán ấm nóng. Với sắc tướng, khởi quán rắn độc, quán bất tịnh. Với ham thích ăn uống ngon tốt, khởi tưởng quán rắn giòi. Với ưa thích y phục tốt đẹp, khởi quán sắt nóng quán thân mình, ngoài ra còn có các quán Tam-muội khác v.v...

Kinh Thiên Môn nói: Trong lúc ngồi Thiền quán thấy hình tượng Phật có ba mươi hai tướng tốt, các loại ánh sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, là chân thật hay là luống dối? Phật dạy: Ngồi Thiền thấy không, chẳng có vật, nếu thấy ở Phật có ba mươi hai tướng tốt, các thứ loại sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, đều là điên đảo của tự tâm, buộc mắc vọng lưới. Ở nơi hư không vắng lặng mà thấy các việc như vậy, tức là luống dối.

Kinh Lăng-già nói: Các loại tướng như vậy, rơi vào kiến chấp của

ngoại đạo.

Kinh Pháp Cú nói: Nếu học các Tam-muội, là động chẳng ngồi Thiền, tâm chạy theo cảnh ngoài, thế nào gọi là Định?

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Ta chẳng nhập Tam-muội, chẳng trú nơi ngồi Thiền, không sanh, không hành, không động, không Thiền, là Thiền vô sanh.

Kinh Tư Ích nói: Chẳng nương dừng ở cõi Dục, chẳng trú nơi cõi Sắc và Vô Sắc, hành Thiền như vậy, là Bồ-tát biến hành.

Kinh Duy-ma nói: Duy-ma-cật chê trách Xá-lợi-phất ngồi yên trong rừng, chê trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp không bình đẳng rất ráo

Kinh Chuyển Nữ Thân nói: Vô cấu Quang nữ chê trách trời Đế-thích; ông người Thanh văn thừa, sợ sanh tử, vui Niết-bàn.

Kinh Quyết Định Tỳ-ni nói: Người tu Bồ-tát thừa sợ sanh trì giới khai thông. Người Thanh văn thừa trì hết già giới hết hộ giới.

Kinh Dược Sư nói: Phật chê trách A-nan: Ông là người Thanh văn, như đui như điếc, chẳng biết nghĩa không vô thượng.

Kinh Phật Đảnh nói: Chê trách hạng người Thanh văn được ít cho là đủ.

Trong Kinh Thất Phật tạng nói: Xá-lợi-phất! Lúc Đức Như lai còn tại thế, Tam bảo chỉ một vị, sau khi ta diệt độ, chia làm thành năm bộ Xá-lợi-phất! Nay đây ác ma hiện còn ẩn thân giúp đỡ Điều-đạt phá hại Chánh pháp chúng Tăng của ta. Đức Như lai có năng lực Đại Trí hiện còn ở đời, nên chúng ma tặc ác chẳng thể làm thành điều ác lớn, trong đời tương lai, ác ma biến hình, hoành hành tà kiến, vì nói tà pháp. Bấy giờ người ác bị ma mê hoặc, tự chấp lấy chỗ thấy biết cho rằng ta phải người quấy. Xá-lợi-phất! Đức Như lai dự thấy ở đời vị lai, các việc pháp pháp như vậy, cho nên nói kinh sâu mâu, để cắt đứt mọi sự chấp trước của chúng ma. A-nan! Thí như giặc ác ở nơi vua, đại thần không dám tự thấy trộm lấy vật người khác, chẳng tự nói là giặc. Cũng vậy, A-nan, Tỳ-kheo phá giới thành tựu pháp chẳng phải Sa-môn, còn chẳng tự nói mình là người xấu ác, hưởng chi có thể hưởng đến các người khác tự nói tội mình. A-nan! Với kinh như vậy, Tỳ-kheo phá giới theo thời được nghe, tự hàng phục thì có hổ thẹn, Tỳ-kheo trì giới được tự nhiên tăng trưởng.

Kinh Đại Phật Đảnh chép: Bấy giờ Đức Như lai bảo khắp Đại chúng và A-nan rằng: Các ông là Thanh văn, Duyên giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Diệu giác Vô thượng Đại Bồ-đề. Nay ta đã nói

pháp tu hành chân thật, các ông vì chưa biết, nên tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, với các việc ma nhỏ nhiệm, cảnh hiện tiền, các ông chẳng thể biết, tẩy tâm chẳng chân chánh, rơi lạc vào tà kiến. Hoặc ám ma ở các ông, hoặc lại thiên ma, hoặc dính trước nơi quỷ thần, hoặc gặp phải ly mị, trong tâm không tỏ sáng, nhận giặc làm con. Hoặc lại ở trong đờc chút ít cho là đủ. Như Tỳ-kheo Vô Văn ở cõi Thiên thứ tư, vọng nói là chứng thánh. Khi quả báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện ra trước mắt, phỉ báng A-la-hán, sau khi thân gặp nạn, có đọa vào địa ngục A-tỳ.

Do đó, Đức Thích-ca Như lai truyền trao pháp y ca-sa bằng kim tuyến bảo Ma-ha Ca-diếp đến núi Kê túc, chờ đợi Di-lặc Thế tôn xuất hiện ở đời mà chuyển trao lại. Nay trong đời ác, người học Thiên pháp rất đông nhiều, Tổ sư Đạt-ma của chúng ta, truyền trao pháp y ca-sa để biểu thị pháp chánh, khiến người học sau có nơi bám thọ nương tựa.

Ngày Đại sư Hoàng Nhẫn còn trú núi Bằng mật ở Hoàng Mai, mở rộng pháp môn, dẫn dắt các đạo tục. Lúc bấy giờ, người học đạo có hơn ngàn vạn, trong đó, gần gũi phụng sự chẳng lìa Đại sư Hoàng Nhẫn có cả mười người đều là giảng đường vào phương trượng, như Thiên sư Trí Sần, Thần Tú, Huyền Tích, Nghĩa Phương, Trí Đức, Tuệ Tạng, Pháp Như, Lão An, Huyền Ước, Lưu Chủ Bạc v.v... đều là lãnh tụ quan viên ở đương thời, danh Tăng của nước nhà, mỗi mỗi tự nói là đại long tượng, là nói được tận cùng thấu đáy, mới biết chẳng phải tận cùng thấu đáy. Bỗng nhiên có người ở Tân châu vốn người dòng họ Lô tên là Huệ Năng tuổi mới hai mươi hai đến bái yết Đại sư Hoàng Nhẫn. Đại sư Hoàng Nhẫn hỏi: Ông từ đâu đến? Có duyên sự gì? Huệ Năng đáp: Từ Lãnh nam đến, cũng không ý việc gì, chỉ cầu thành Phật. Đại sư Hoàng Nhẫn nhận biết Huệ Năng là người phi thường, nhưng vì chung quanh có nhiều người, mới bảo: Ông có thể theo chúng làm việc chăng? Huệ Năng đáp: Thân mạng chẳng tiếc, chỉ chưa biết làm việc gì. Bèn theo đạp chà giã gạo suốt tám tháng. Đại sư Hoàng Nhẫn biết Huệ Năng căn cơ đã thành tựu, bèn kín gọi đến truyền trao Đại pháp và pháp y ca-sa để làm tin, đồng thời bảo đi ra khỏi khu vực. Khi ấy sợ có người biết, Huệ Năng thường ẩn ở trong núi rừng, hoặc ở Tân châu hoặc ở Thiều châu, suốt mười bảy năm hòa lẫn người thế tục, cũng chẳng giảng nói pháp.

Sau đó, đến chùa Chế Tâm ở Nam hải, gặp Pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết-bàn, Huệ Năng cũng vào dự dưới pháp tòa. Khi ấy Pháp sư Ấn Tông hỏi mọi người: Các vị có thấy gió thổi lá phướn, trên đầu lá phướn lay động chăng? Mọi người nói: Thấy động, hoặc có người

nói: Thấy Gió động. Có người nói: Phướn động chẳng phải gió động, là thấy động. Hỏi vặn chẳng định như vậy. Huệ Năng ở dưới tòa đứng dậy đáp với Pháp sư Ấn Tông rằng: Tự vì tâm vọng tưởng các người động, động và chẳng động, chẳng thấy phướn động. Pháp vốn không có động hay chẳng động. Pháp sư Ấn Tông nghe nói vậy kinh ngạc sửng sờ, chẳng biết phải nói như thế nào, bèn hỏi: Cư sĩ từ đâu đến? Huệ Năng đáp: Xưa nay chẳng đến, nay cũng chẳng đi. Pháp sư Ấn Tông liền xuống tòa, mời Huệ Năng vào phòng, nhỏ nhẹ nương hỏi, Huệ Năng mỗi một đều nói Phật pháp của Đông Sơn, và có phó chúc pháp y ca-sa để làm tin. Pháp sư Ấn Tông nghe thấy rồi, liền đem đầu mặt đánh lễ sát chân than rằng: Thời nào dưới tòa có Bồ-tát! Nói xong lại đánh lễ, thỉnh cầu Huệ Năng làm Hòa-thượng. Pháp sư Ấn Tông tự xưng là đệ tử, liền xuống tóc cho Thiền sư Huệ Năng, đắp mặc pháp y xong, tự hứa làm đệ tử, đến chỗ môn đồ dưới giảng tòa, Pháp sư Ấn Tông than rằng: Lành thay! Lành thay! Đại pháp của Đại sư Hoàng Nhãn ở Hoàng mai từ trước nay nghe lưu truyền đến Lĩnh nam. Ai biết nay lại hiện ở đây. Các người có biết chăng? đại chúng đều đáp: Không biết. Pháp sư Ấn Tông bảo: Pháp tôi giảng nói giống như ngói gạch, nay có Thiền sư Huệ Năng truyền trao pháp môn của Đại sư Hoàng Nhãn, dụ như vàng ròng, sâu mâu chẳng thể nghĩ bàn. Xong, Pháp sư Ấn Tông dẫn cả Đại chúng đánh lễ sát chân Thiền sư Huệ Năng. Sợ mọi người nghi ngờ, đến lúc thỉnh pháp y ca-sa được trao truyền làm pháp tín cho mọi người thấy và tự thân Thiền sư Huệ Năng thọ giới Bồ-tát. Pháp sư Ấn Tông và Đại chúng tiễn đưa Thiền sư Huệ Năng trở về Tào Khê dẫn dắt các đạo tục, mở rộng Thiền pháp. Khắp thiên hạ nghe biết pháp môn của Tào Khê rất chẳng thể nghĩ bàn.

Sau đó, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu) lên ngôi lấy Quốc hiệu là Đại Chu (690-705), rất kính trọng Phật pháp. Đến niên hiệu Trường Thọ năm thứ nhất (692), Võ Hậu ban sắc các châu trong thiên hạ, mỗi châu đều xây dựng chùa Đại Vân. Ngày 20 tháng 02, ban sắc sai Thiên quan lang trung Trương Xướng Kỳ đến Tào Khê ở Thiều châu, thỉnh Thiền sư Huệ Năng. Thiền sư Huệ Năng lấy cố bệnh không đến. Đến niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ nhất (696), Võ Hậu lại sai sứ đến thỉnh Thiền sư Huệ Năng. Thiền sư Huệ Năng không đến, xin thỉnh pháp y ca-sa được trao truyền làm tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa: Trẫm muốn đưa vào Nội đạo tràng để cúng dường. Thiền sư Huệ Năng liền theo sự thỉnh cầu đó bèn trao pháp y ca-sa được trao truyền làm tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa cho kẻ sứ. Sứ trở về có được pháp y ca-sa làm tin,

Võ Hậu trông ca-sa được trao truyền làm tin đó mang đến, bèn rất vui mừng, tôn trí nơi Nội đạo tràng mà cúng dường.

Đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ hai (697), Võ Hậu sai Thiên quan lang trung Trương Xương Kỳ đến chùa Đắc Thuần ở Tứ châu tỉnh Thiên sư Trí Sần. Thiên sư Trí Sần nhận sự thỉnh bèn đến kinh đô vào Nội đạo tràng cúng dường. Đến niên hiệu Cửu Thi (700-701), Võ Hậu sai sứ đến chùa Ngọc Tuyên ở Kinh châu tỉnh Thiên sư Thần Tú, đến chùa Thọ Sơn ở An châu tỉnh Thiên sư Huyền Tích, đến chùa Đại Vân ở Tùy châu thỉnh mời Thiên sư Huyền Ước, đến chùa Hội Thiện ở Tung Sơn, Lạc châu thỉnh Thiên sư Lão An vào Nội đạo tràng, Võ Hậu cúng dường. Võ Hậu thỉnh các vị Đại đức, nhân có Bà-la-môn Tinh thông Tam tạng ở nước Tây Vực, Võ Hậu thường riêng kính trọng. Thiên sư Trí Sần ở Nhật Nam đang lúc bị bệnh, nghĩ nhớ muốn trở về quê, nhưng vì núi ải xa xôi hiểm trở, trong tâm có chút lo buồn. Bà-la-môn thông tà kia nói: Kia khác với đây, Thiên sư sao được nghĩ nhớ quê hương? Thiên sư Trí Sần đáp: Vì sao Tam tạng biết? Đáp rằng: Thiên sư thứ khởi ý nhìn, không có gì chẳng biết. Thiên sư Trí Sần bảo: Đi đi, nhìn tướng thân mặc y xiêm người thế tục đến cửa Tào chợ phía Tây mà nhìn. Vị Tam tạng ấy bảo: Đại đức là một vị tăng, đâu được mặc y phục người đời vào chợ mà nhìn? Thiên sư Trí Sần bảo: Khéo nhìn đi. Cùng dẫn thân nhau đến chùa Thiên Định đứng trên Phật đồ tướng luân. Vị Tam tạng kia lại bảo: Người tăng đâu được lên cao mà đứng? Thiên sư Trí Sần bảo: Màu đỏ nhưng đẹp khéo, lại nhìn đi. Tức ngay đây y theo pháp tướng niệm bất sanh. Vị Tam tạng ấy đối với ba cõi tìm xem chẳng bao giờ được. Bà-la-môn tinh thông Tam tạng bèn sanh tâm kính ngưỡng, đánh lễ sát chân Thiên sư Trí Sần, kính bạch Hòa-thượng rằng: Không biết ở Trung Hoa đời Đường đây có Phật pháp Đại thừa, nay tự trách thân tâm xin sám hối. Võ Hậu thấy Bà-la-môn tinh thông Ba tạng quy y Thiên sư Trí Sần, bèn hỏi các vị Đại đức: Các Hòa-thượng v.v... có muốn gì chẳng? Các Thiên sư Thần Tú, Huyền Ước, Lão An, Huyền Tích v.v... đều đáp: Không muốn gì. Võ Hậu lại hỏi Thiên sư Trí Sần: Hòa-thượng có muốn gì chẳng? Thiên sư Trí Sần lo sợ chẳng tha trở về nên thuận theo ý Võ Hậu, đáp rằng: Có muốn. Võ Hậu lại hỏi: Đâu được có muốn? Thiên sư Trí Sần đáp: Sống thì có muốn, không sống thì không muốn. Ngay lời nói ấy, Võ Hậu tỏ ngộ. Lại thấy Bà-la-môn tinh thông Ba tạng quy y Thiên sư Trí Sần, Võ Hậu càng kính trọng gấp bội. Nhân đó, Thiên sư Trí Sần bèn tâu xin trở về quê. Võ Hậu ban tặng một bộ kinh Hoa Nghiêm mới dịch, pho tượng Di-

lặt bằng lụa thêu và các thứ phướn đẹp v.v.... Lại đem pháp y ca-sa làm tin của Tổ sư Đạt-ma, ban tặng mà bảo rằng: Thiền sư Huệ Năng không đến, pháp y ca-sa đời xưa này cũng kính dâng Hòa-thượng đưa về quê cũ, xin để cúng dường. Đến tháng mười một, niên hiệu Cảnh Long năm thứ nhất (707) thời Tiên Đường, Võ Hậu lại sai Nội thị tướng quân Tiết Giản đến chỗ Thiền sư Huệ Năng ở Tào Khê tuyên cáo ban miệng rằng: Dem pháp y ca-sa làm tin của đời xưa trước dâng tặng Thiền sư Trí Sần giúp thọ trì cúng dường. Nay đem đến đây một áo ca-sa nạp, cùng năm trăm xấp lụa quyên và sữa, thuốc v.v... cúng dường.

Thiền sư Trí Sần trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, vốn họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Theo cha làm quan đến ở đất Thục. Năm mười tuổi đã thường ưa thích Phật giáo, chẳng ăn các thứ tanh nồng, chí tháo cao vời, chẳng cùng trẻ nhỏ vui đùa. Năm mười ba tuổi, già từ cha mẹ nhập vào đạo tràng. Lúc đầu, nương theo kính thờ Tam tạng Pháp sư Huyền Trang tập học kinh luận. Sau nghe Đại sư Hoàng Nhẫn ở núi Song Phong, bèn từ già Pháp sư Huyền Trang, bỏ học kinh luận, tìm đến núi Bằng mậu đến nơi Đại sư Hoàng Nhẫn. Đại sư Hoàng Nhẫn bảo: Ông có tánh văn tự. Sau đó, Thiền sư Trí Sần trở về trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, hóa đạo chúng sanh. Có soạn: Hư Dung Quán ba quyển, Duyên Khởi một quyển, Bát-nhã Tâm Sở một quyển. Về sau, đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ hai (697) thời Đại Chu, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu 690-705) sai Thiên quan tam trung Trương Xương Kỳ đến chùa Đức Thuần thỉnh, Thiền sư Trí Sần bèn đến ở Tây kinh. Sau đó, do bệnh tật, bèn nhân tấu biểu văn xin về lại chùa Đức Thuần, trước sau tất cả hơn ba mươi năm hóa đạo chúng sanh. Đến ngày mồng sáu niên hiệu Trường An năm thứ hai (702), bảo Thiền sư Xử Tịch theo đỡ hầu tôi, bèn trao pháp y ca-sa và bảo rằng: Pháp y này là ca-sa được trao truyền từ Tổ sư Đạt-ma, Võ Tắc Thiên ban tặng tôi, nay tôi trao lại cho ông, ông khéo tự gìn giữ. Đến đêm mồng 06 tháng 07 năm đó, Thiền sư Trí Sần ngồi thẳng mà thị tịch, thọ chín mươi bốn tuổi.

Thiền sư Xử Tịch họ Đường ở huyện Phù thành, thuộc Miên châu. Gia đình nhiều đời giỏi về Nho học, thường học thi, lễ, có phần nghĩa hiếu. Năm mười tuổi, cha qua đời, Xử Tịch than: ‘Đất trời đã trống không ta nghe Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, dứt trừ khổ sanh tử, bèn đến chỗ Hòa-thượng Trí Sần. Hòa-thượng Trí Sần hỏi: Ông từ đâu đến? Xử Tịch đáp: Cố tìm đến Hòa-thượng. Hòa-thượng Trí Sần biết Xử Tịch chẳng phải người tầm thường. Ngay ngày vào kinh đô, Xử Tịch khiêng

gánh Đại sư Trí Sần vào kinh chỉ một vai không thay. Xử Tịch thân cao tám thước, thân sắc tâm tình lắng yên, đứng giữa đại chúng, chỉ thấy đầu Xử Tịch. Mọi người thấy Sư đều kính trọng quý mến. Sau, Xử Tịch trở về trú tại chùa Đức Thuần, hóa đạo chúng sanh hơn hai mươi năm. Đến tháng tư niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi bốn (736) thời Tiền Đường, Xử Tịch ngầm sai người nhà là Vương Hoàng nhờ Thiên sư Vô Tướng vốn người Hải đông, truyền trao Đại pháp và pháp y ca-sa mà bảo rằng: Pháp y này là ca-sa của Tổ sư-Đạt-ma, Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sần, Hòa-thượng Trí Sần trao truyền cho tôi, nay tôi chuyển trao cho ông, ông khéo tự giữ gìn, tìm nơi núi đẹp mà đến ở. Đến ngày 27 tháng 05 năm đó, Xử Tịch bảo các đồ chúng: Tôi không ở lâu nữa. Vào nửa đêm giờ Tý, Xử Tịch an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ sáu mươi tám tuổi.

Thiên sư Vô Tướng trú tại chùa Tịnh Tuyên ở phủ Thành Đô, Nhật Nam, Sư họ Kim thuộc chủng tộc vua xứ Tân La. Gia đình nhiều đời ở Hải đông. Xưa lúc ở tại quê nhà, có người em gái út mới đầu nghe có người mang sính lễ đến hỏi, bèn cầm dao rạch mặt, thề giữ chí quy chân. Vô Tướng thấy thế bèn than rằng: Con gái mềm yếu còn tỏa vang tiết tháo cao nhã, hướng chi trượng phu cứng mạnh, chẳng lẽ ta lại vô tâm? Bèn tự cắt tóc, giả từ thân thích, nổi trôi theo đường biển vượt đến hướng Tây, vào nước Trung Hoa đời Đại Đường, tìm thầy học đạo. Rảo bước khắp cùng, mới đến chùa Đức Thuần ở Tứ châu, đánh lễ Hòa-thượng Đường (Xử Tịch). Hòa-thượng Đường bị bệnh bèn chẳng ra thấy gặp Vô Tướng liền đốt một ngón tay làm đèn cúng dường Hòa-thượng Đường. Hòa-thượng Đường biết Vô Tướng chẳng phải người tầm thường nên lưu giữ ở lại hai năm. Sau đó đến núi Thiên cốc lại đến chùa Đức Thuần, Hòa-thượng Đường sai người nhà là Vương Hoàng kín trao pháp y làm tin, bảo rằng: Pháp y này là y Tổ sư Đạt-ma truyền bá, Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sần, Hòa-thượng Trí Sần truyền trao cho tôi, nay tôi phó chúc cho ông. Hòa-thượng Kim (Thiên sư Vô Tướng) được truyền trao Đại pháp và tín y, bèn đến ở cốc núi dưới hang đá, dùng cỏ làm áo mặc, tiết chế ăn uống, thức ăn hết thì ăn đất, cảm có thú dữ đến giúp đỡ giữ gìn. Về sau, Chương Cừ đại phu thỉnh Sư khai giảng pháp Thiên, đến trú tại chùa Tịnh Tuyên, hóa đạo chúng sanh hơn hai mươi năm.

Sau đến ngày 15 tháng 05 niên hiệu Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường, bỗng nghĩ nhớ Thiên sư Vô Trú ở núi Bạch Nhai, bảo rằng: Tôi bị bệnh kể, đây đến thăm tôi. Qua vài lần hỏi mọi người

chung quanh vì sao Thiền sư Vô Trú không đến, nay tôi tuổi đã già suy, ngầm sai người thợ là Huân Tuyên đem pháp y vật làm tin của tôi và các y vật khác tất cả mười bảy thứ, trao cho Thiền sư Vô Trú, căn dặn khéo tự giữ gìn, nay chưa phải lúc xuống núi, phải chờ đợi năm ba năm nữa, lúc nào nghe đã thái bình thì xuống. Xa phó chúc xong, đến ngày 19 tháng 05, bảo đệ tử: Lấy cho tôi y phục mới sạch, tôi muốn tắm gội. Vào nửa đêm giờ Tý, nghiêm nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Khi ấy trời trăng không tỏ sáng, đất trời đều biến thành màu trắng, cờ pháp đổ gãy. Chúng sanh mất nơi ngóng trông, người học đạo không nơi nương tựa. Thiền sư Vô Tướng hưởng thọ bảy mươi chín tuổi.

Thiền sư Vô Tướng mỗi năm cứ vào khoảng tháng mười hai và tháng giêng, cùng bốn chúng có đến trăm ngàn vạn người kết duyên trang nghiêm thiết lập đạo tràng, lên tòa cao giảng pháp. Trước tiên dẫn niệm Phật hết một hơi, dứt tiếng ngưng niệm xong, Thiền sư Vô Tướng bảo rằng: Không nhớ, không niệm, chớ vọng. Không nhớ là giới, không niệm là định, chớ vọng là tuệ. Ba câu này chính là môn Tổng trì. Thiền sư lại bảo: Niệm chẳng khởi giống như mặt kiếng hay soi chiếu khắp cả vạn tượng. Niệm khởi tức như lưng kiếng không thể soi thấy. Thiền sư lại bảo: Phải biết khởi biết diệt này cho rõ ràng chẳng hề xen hở tức là thấy Phật. thí như hai người cùng đi đến nước khác, người cha đem sách chỉ dạy, một người có được sách tìm đọc đã xong, thuận theo lời cha dạy không làm việc phi pháp. Một có được sách tìm đọc đã xong, chẳng y theo lời chỉ dạy, hiện bày mạnh dữ làm những việc ác, tất cả chúng sanh nương theo vô niệm, đó tức là con hiếu thuận, người chấp trước văn tự, đó là con bất hiếu. Thiền sư lại bảo: Thí như có người say rượu nằm, người mẹ lại kêu dậy về nhà, người con ấy vì say mê loạn, ác dữ mắng chửi người mẹ, tất cả chúng sanh do say rượu vô minh, chẳng tin tự thân thấy tánh thành Phật. Lại nữa, trong Luận Khởi Tín nói tâm chân như và tâm sanh diệt. Vô niệm tức là chân như, hữu niệm tức là sanh diệt. Thiền sư lại bảo: Đầu vô minh xuất hiện thì đầu Bát-nhã ẩn mất, đầu vô minh ẩn mất thì đầu Bát-nhã xuất hiện. Thiền sư lại dẫn kinh Niết-bàn dạy rằng: Chớ nhà nai đồng, chớ nhà dụ cho vọng tưởng, nai đồng dụ cho Phật tánh. Thiền sư lại bảo: Lụa vốn là tơ, không có văn tự, trẻ con khéo dệt thành mới có văn tự, sau khi bẻ gãy trở lại gốc ấy là tơ. Tơ dụ cho Phật tánh, văn tự dụ cho vọng tưởng. Thiền sư lại bảo: Nước chẳng lìa sóng, sóng chẳng lìa nước. Sóng dụ cho vọng niệm, nước dụ cho Phật tánh. Thiền sư lại bảo: Người gánh gai cùng đồng bạn đi chuyển đến gặp nơi có bạc, một người vất bỏ gai lấy bạc. Các người

khác bảo: Ta gánh gai đã nhất định, không thể bỏ gai mà lấy bạc. Lại đi đến chỗ có vàng, người ấy lại vất bạc lấy vàng. Các người khác bảo: Ta gánh gai đã cố định, không thể nào bỏ gai lấy vàng. Vàng dụ cho Niết-bàn, gai dụ cho sanh tử. Thiền sư lại bảo: Ba câu của ta đây là giáo pháp vốn truyền của Tổ sư Đạt-ma. Chẳng nói là chỗ giảng nói của Hòa-thượng Trí Sần và Hòa-thượng Xử Tịch. Thiền sư lại bảo: Thuận cho các đệ tử có nghĩa hơn thầy. Vì Hòa-thượng Trí Sần và Hòa-thượng Xử Tịch chẳng giảng Liễu giáo (giáo nghĩa rất ráo), chỉ bảm thọ pháp y làm tin. Do đó Thiền sư Vô Tướng không nêu điều giảng nói của Hòa-thượng Trí Sần và Hòa-thượng Xử Tịch.

Thường mỗi lúc xuống tòa, giáo giới chân ngôn, Thiền sư Vô Tướng bảo: Tổ sư Đạt-ma chúng ta giáo hóa hoằng truyền ba câu này là môn tổng trì. Vô niệm tức là giới môn, niệm chẳng khởi là Định môn, niệm chẳng khởi là tuệ môn. Niệm không khởi tức là giới định tuệ đầy đủ. Ở thời quá khứ, ở thời hiện tại và ở thời vị lai, vô lượng Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều từ môn này mà vào. Nếu lại có môn nào riêng khác, thì điều ấy không thể có.

Hòa-thượng Thần Hội trú tại chùa Hà Trạch ở Đông Kinh, mỗi tháng có mở đàn tràng, vì người giảng nói pháp, phá thanh tịnh Thiền, lập Như lai Thiền, lập tri kiến, lập lời nói, là giới định tuệ. Chẳng phá lời nói, nói: Lúc chánh thuyết tức là giới, lúc chánh thuyết tức là định, lúc chánh thuyết tức là tuệ, nói pháp vô niệm, lập thấy tánh. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiền Đường, chùa Hoạt Đài vì học giả trong thiên hạ mà chính định tông chỉ, Hòa-thượng Thần Hội bảo: Nếu lại có người nói, Thần Hội tôi chẳng bao giờ dám nói. Vì Hòa-thượng Thần Hội không được truyền trao pháp y ca-sa làm tin! Trong niên hiệu Thiên Bảo năm thứ bảy (748) thời Tiền Đường, chùa Hà Trạch ở Lạc châu cũng chính định tông chỉ, bị Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư đối với Ba hiền mười thánh tu hành, đã chứng đắc ở địa vị nào? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Kinh Niết-bàn nói: Nam mô Thuần-đà, Nam mô Thuần-đà, thân đồng phạm phu tâm đồng tâm Phật. Và Hòa-thượng Thần Hội liền hỏi Pháp sư Sùng Viễn: Giảng kinh Niết-bàn từ trước đến nay đã bao nhiêu biến. Pháp sư có Sùng Viễn đáp: Hơn ba mươi biến. Hòa-thượng Thần Hội lại bảo: Pháp sư thấy Phật tánh chăng? Pháp sư Sùng Viễn đáp: Chẳng thấy. Hòa-thượng Thần Hội bảo: Trong phẩm Sư Tử Hống nói: Nếu người chẳng thấy Phật tánh, thì chẳng được giảng kinh Niết-bàn. Nếu thấy Phật tánh, thì được hợp giảng kinh Niết-bàn. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Hòa-thượng có thấy chăng? Hòa-thượng Thần Hội

đáp: Thấy. Pháp sư Sùng Viễn lại hỏi: Thế nào là thấy? Là mắt thấy, hay tai, mũi v.v... thấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Thấy không nhiều như vậy, thấy chỉ loại thấy. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thấy đồng Thuần-đà chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Tỷ lượng thấy, tỷ (so sánh) tức tỷ với Thuần-đà, lượng ngang bằng Thuần-đà không dám định đoán. Lại bị Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư đời trước có truyền pháp y ca-sa chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có truyền. Nếu lúc chẳng truyền, thì pháp sẽ dứt mất. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư có đắc chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Pháp sư Sùng Viễn lại hỏi: Ai là người được truyền pháp y ca-sa ấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có một người được, đã được tự nên biết, nếu người ấy lúc giảng nói pháp, thì Chánh pháp lưu hành, tà pháp tự diệt. Vì đại sự của Phật pháp do đó còn ẩn mà chưa xuất hiện.

Lúc Hòa-thượng Thần Hội ở tại Kinh châu, có người nước Tây Vực là Ca-diếp Hiền, An-thọ-đề v.v... tất cả hơn hai mươi người đến chỗ Hòa-thượng giảng pháp mà hỏi: Pháp y ca-sa làm tin của đời xưa, Hòa-thượng có được chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Và liền hỏi: Các Hiền giả từ xứ nào đến đây? Ca-diếp Hiền đáp: Từ Nhật Nam đến. Hòa-thượng Thần Hội hỏi: Có biết Thiền sư Kim (Thiền sư Vô Tướng) chăng? Ca-diếp Hiền đáp: Chúng tôi đều là đệ tử của Hòa thượng Kim. Hòa-thượng Thần Hội hỏi: Dạy các ông, Hòa-thượng Kim giảng đạo giáo thế nào? Ca-diếp Hiền đáp: Đầu vô minh xuất hiện thì đầu Niết-bàn ẩn mất, đầu Bát-nhã xuất hiện xuất hiện thì đầu vô minh ẩn mất. Có niệm giống như lưng kiếng. Hòa-thượng Thần Hội liền quát: Chớ nói những lời rỗng tuếch ấy. Ông họ Ca-diếp là chủng tánh Bà-la-môn, tính hợp với lợi căn mới là Bà-la-môn đái dầm. Hòa-thượng Thần Hội lại bảo: Hòa-thượng Trí Sần ở Nhật Nam của các ông là Pháp sư chẳng giảng nói Liễu giáo (giáo nghĩa rốt ráo). Thiền sư Đường (Xử Tịch) là đệ tử của Thiền sư Trí Sần, cũng chẳng giảng nói Liễu giáo. Đệ tử của Thiền sư Đường, là Pháp sư Triệu ở Tử châu, là Luật sư Vương Thị ở Lăng Châu, trở về Tây tiêu biểu là Pháp sư Kim (Vô Tướng) ở Ích châu là Thiền sư giảng nói Liễu giáo cũng không được. Tuy chẳng giảng nói Liễu giáo, nhưng Phật pháp chỉ ở xứ ấy. Lang trung Mã Hùng đi sứ Tào khê, đánh lễ tháp Hòa-thượng Huệ Năng, hỏi lão tăng giữ tháp rằng: Pháp y ca-sa đời trước truyền bá hiện ở đâu? Lão tăng đáp: Lúc Hòa-thượng Huệ Năng còn tại thế, Thiền sư Lập Giai, Trí Hải v.v... hỏi Hòa-thượng Huệ Năng: Pháp y ca-sa tiếp thừa từ xưa, có trao truyền chăng? Phật pháp phó chúc cho người nào? Hòa-thượng Huệ Năng đáp:

Pháp y của ta các nam nữ đã đem đi rồi. Giáo pháp của ta thì sau khi ta chết ngoài hai mươi năm, ai dựng lập tông chỉ, đó là người đắc pháp của ta.

Hòa-thượng Vô Trụ trú tại chùa Đại Lịch ở Bảo Đường thuộc phủ Thành đô, Nhật Nam, thường vì bốn chúng học đạo có cả trăm ngàn vạn người, hay lúc chỉ một người, bất kể thời tiết, nếu có điều nghi cứ mặc tình hỏi, liền ở ngay tòa giảng nói pháp, thẳng đến thấy tánh, dùng trực tâm làm đạo tràng, dùng phát hạnh làm đạo tràng, dùng thân tâm làm đạo tràng, dùng vô nhiễm làm đạo tràng, dùng chẳng chấp làm đạo tràng, dùng bất xả làm đạo tràng, dùng vô vi làm phương tiện, dùng rộng lớn làm phương tiện, dùng bình đẳng làm phương tiện, dùng lia tướng làm lửa, dùng giải thoát làm hương, dùng không quái ngại làm sám hối, dùng vô niệm làm giới, dùng vô vi vô sở đắc làm định, dùng không hại làm tuệ, chẳng dùng nghiêm thiết làm đạo tràng. Hòa-thượng bảo: Tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, xưa nay viên mãn, thêm cũng không được, bớt cũng không được, vì thuận một niệm tâm hữu lậu, thì trôi lăn trong ba cõi thọ các thứ thân hình, giả danh thiện tri thức, chỉ ngay bản tánh tức thành Phật đạo, chấp tướng tức là đắm chìm. Vì chúng sanh hữu niệm, giả nói vô niệm, nếu hữu niệm không, thì vô niệm chẳng có. Dứt tâm trôi lăn ba cõi, chẳng trú vắng lặng, chẳng phải ở sự tướng, chẳng phải không công dụng, chỉ lia luống dối, gọi là giải thoát. Hòa-thượng lại bảo: Có tâm tức là sóng cả, vô tâm tức là ngoại đạo, thuận sanh tử tức là chúng sanh cấu nhiễm nương tựa, vắng lặng tức là Niết-bàn. Động chẳng thuận sanh, chẳng y cứ vắng lặng, chẳng vào Tam-muội, chẳng trú tọa Thiền, vô sanh vô hành, tâm không được mất, ảnh thể đều quấy, tánh tướng chẳng lập.

Hòa-thượng Phụng Tường, người ở huyện My, họ Lý, pháp hiệu Vô Trụ. Niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiên Đường, Sư mới năm - mười tuổi, Hòa-thượng đã thay thế cha Sư mở hiệu, đến lúc hai mươi tuổi, vóc dáng sức lực hơn người, võ nghệ vượt hẳn tâm thường. Lúc ấy, Tín An Vương đang sung làm Hà róc vũ đạo Tiết độ sứ, thấy Hòa-thượng có dáng mạnh mẽ, Tín An Vương bèn lưu giữ sung làm Vệ tiên du dịch tiên phong quan. Hòa-thượng thường tự than rằng: Ở đời, vinh hoa, ai người chẳng ưa thích, hàng đại trượng phu chưa gặp được thiện tri thức. Một đời không thể để luống qua!. Thế là xả bỏ quan tướng, tìm thầy hỏi đạo, bỗng gặp bạch y Cư sĩ Trần Sở Chương, chẳng biết vốn người ở xứ nào mà người đời gọi là Duy-ma-cật hóa thân giảng nói pháp Đốn giáo. Ngay ngày vừa mới gặp, Hòa-thượng ngậm hợp

cùng biết, được im lặng truyền cho tâm pháp. Hòa-thượng đắc pháp rồi, một mực dứt tư bất lự, sự tướng dứt trừ, suốt thời gian năm ba năm, giữ tướng tại gia Cư sĩ mà tu hành.

Đến khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường, bỗng nghe Phạm Dương đến Thứ sơn có Hòa-thượng Minh, ở Đông kinh, có Hòa-thượng Thần Hội, ở phủ Thái Nguyên có Hòa-thượng Tự tại đều là những vị đệ tử của Đại sư Huệ Năng, Tổ thứ sáu, giảng nói pháp Đốn giáo. Bấy giờ, Hòa-thượng (Vô Trú) cũng chưa xuất gia, bèn đến Thái Nguyên đánh lễ Hòa-thượng Tự Tại. Hòa-thượng Tự Tại giảng: Trong tịnh tướng vô tịnh tức là Phật tánh chân tịnh. Nghe pháp xong, tâm ý Hòa-thượng tự nhiên thỏa thích, muốn già từ đường trước. Lão Hòa-thượng là người đáng làm rường cột của Chánh pháp, bèn cho xuống tóc, và đắp mặc pháp y. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám (749) thời Tiền Đường, sau khi đã thọ giới Cụ túc, Hòa-thượng bèn già từ lão Hòa-thượng Tự Tại, đi đến trú tại chùa Thanh Lương ở núi Ngũ Đài, qua một mùa hạ nghe giảng pháp, Hòa-thượng tiếp đến chỗ Hòa-thượng Minh ở Thứ sơn, chợt do tiếng nói của Hòa-thượng Thần Hội, Hòa-thượng liền biết được ý chí nên cũng chẳng tìm đến. Mãn mùa hạ niên hiệu Thiên Bảo năm thứ chín (750) thời Tiền Đường, Hòa-thượng xuống núi, đến Tây kinh, qua lại giữa hai chùa An Quốc và Sùng Thánh. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười (751) thời Tiền Đường, từ Tây kinh, Hòa-thượng liền đến Bắc Linh Châu, ở tại núi Hạ lan suốt mười hai năm, bỗng có thương nhân Tào Khôi đến lễ bái và hỏi: Hòa-thượng đến Nhật Nam, có biết Hòa-thượng Kim chăng? Hòa-thượng đáp: Không biết. Tào Khôi nói: Tướng mạo Hòa-thượng tương tự như Hòa-thượng Kim, sống mũi cao có mép lún, nhan sắc hình trạng không một gì khác, đúng là hóa thân. Hòa-thượng bèn hỏi Tào Khôi: Cư sĩ từ Nhật Nam đến, Hòa-thượng ấy giảng nói pháp gì? Tào Khôi đáp: Nói không nhớ không niệm, chớ vọng. Ngày ấy, đệ tử thọ duyên xong bèn xin già từ. Hòa-thượng Kim hỏi: Tào Khôi, ông đi đến xứ nào? Đệ tử đáp: Cha mẹ hiện còn ở nhà, nên đệ tử muốn về thăm. Hòa-thượng Kim bảo: Không nhớ không niệm buông bỏ tất cả tức là rõ ràng mênh mêng, nhìn có cha mẹ của ông chăng? Ngày ấy đệ tử nghe rồi mà chưa hiểu, nay xin trình hỏi Hòa-thượng. Nghe nói vậy chợt Hòa-thượng xa muốn cùng thấy biết Hòa-thượng Kim, bèn mới xuống núi Hạ lan đến Bắc Linh châu, ra Hành văn đến Nhật Nam lễ bái Hòa-thượng Kim. Bèn bị giữ lại, sau Diêu Từ Vương chẳng phóng thả, Đại đức Hòa-thượng Sử, luật sư Biện Tài, Luật sư Tuệ Trang v.v... các Đại đức chẳng được tha lại.

Đến tháng mười niên hiệu Chí Đức năm thứ hai (757) thời Tiền Đường, từ Bắc Linh châu ra đến thành Định Viễn, Phong Ninh quân sứ Dương Hàm Chương đang xử xuất tại Hành văn, Quân sứ khổ công muốn giữ lại, hỏi Hòa-thượng: Phật pháp đang chỉ có ở Nhật Nam, hay xứ này cũng có, nếu đây và kia chỉ một thứ, thì vì sao Cố bỏ đi? Hòa-thượng đáp: Nếu biết tâm thấy tánh thì Phật pháp khắp cùng mọi nơi, không trú là nơi học địa, Thiện tri thức hiện ở tại Nhật Nam, do đó, phải xa tìm đến. Quân sứ lại hỏi Hòa-thượng: Thiện tri thức ấy là ai? Hòa-thượng đáp: Đó là Hòa-thượng Vô Tướng, họ Kim, nên mọi người gọi là Hòa-thượng Kim. Quân sứ dẫn lễ, bèn ra Hành văn, Hòa-thượng dần dần theo hướng Nam đến Phụng tượng. Lại bị các vị Đại đức khổ công giữ lại không cho đi, Hòa-thượng cũng chẳng dừng ở. Lại theo đường núi Thái bạch, vào ở núi Thái bạch. Qua một mùa hạ, lại theo đường núi Tế thủy đến Nam Lương Châu, chư Tăng và đồ chúng lại khổ công lưu giữ, nhưng Hòa-thượng chẳng ở.

Tháng giêng niên hiệu Càn Nguyên năm thứ hai (759) thời Tiền Đường, đến chùa Tịnh Tuyên ở phủ Thành đô. Lúc mới đến, gặp Thiền sư An Càn dẫn tới gặp Hòa-thượng Kim, Hòa-thượng (Vô Trú) trông thấy khác thường bèn rất vui mừng. Hòa-thượng Kim sai bảo Thiền sư An Càn làm chủ nhân, xếp đặt ở Viện ở dưới lầu chuông. Lúc ấy chánh ngày thọ duyên, ngay đêm theo đại chúng thọ duyên, chỉ qua ba ngày ba đêm, mỗi ngày Hòa-thượng Kim ở giữa đại chúng lớn tiếng xưng rằng: Duyên gì chẳng vào núi đi, ở lâu đâu có ích gì? các đệ tử theo hầu chung quanh đều lấy làm lạ, Hòa-thượng Kim chưa hề nói lời như thế. Vì sao bỗng nhiên nói như vậy? Hòa-thượng Vô Trú im lặng mà vào núi. Về sau, Hòa-thượng Kim nghĩ nhớ, duyên gì chẳng đến, Thượng tọa không tấu thưa thượng tọa, muốn được cùng biết vì sợ về sau gặp nhau, chẳng biết kia đây là ai.

Một sáng sớm nọ, Hòa-thượng bảo: Tôi tuy ở đây nhưng thường gặp Hòa-thượng Kim. Nếu muốn chẳng cùng biết, đối mặt ngàn dặm, tôi lại vì các ông kể một duyên khởi. Xưa kia, lúc Đức Phật còn tại thế, suốt một mùa hạ ba tháng, Đức Phật lên cung trời Đao lợi giảng pháp độ phu nhân Ma-da. Bảy giờ mười sáu vị đại Quốc vương cùng với tất cả chúng sanh đều nghĩ nhớ Đức Phật, bèn nhờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lên cung trời Đao lợi thỉnh Đức Phật trở về, lúc Đức Phật về lại cõi Diêm-phù-đề này, Tôn giả Tu-bồ-đề đang ở trong động đá, nghe Đức Phật trở về liền muốn ra thất để đón rước, nhưng lại tự nghĩ rằng: Ta nghe Đức Thế tôn dạy. Nếu người trú trong Tam-muội, tức là thấy ta.

Nếu thấy thân năm sắc thì đâu có ích gì? Bèn nhập Tam-muội, khi ấy Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nghĩ muốn dứt tiếng xấu bèn muốn đến trước để thấy Phật. Các đại Quốc vương tám bộ trời rồng đều vây quanh, không có đường vào, nên hiện thân làm vua đại Chuyển luân có ngàn người con vây quanh, rồng thần, Quốc vương đều mở lối, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc hiện lại nguyên hình đi nhiễu quanh Đức Thế tôn xong, chấp tay nói kệ rằng:

*Con thấy Phật đầu tiên,
Con lễ Phật trước hết!*

Nói kệ xong, đánh lễ rồi đứng. Khi ấy Đức Thế tôn bảo Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc rằng: Ở trong chúng hội này, cô là người thấy sau cùng. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Trong chúng hội này không có A-la-hán, sao nói con thấy sau cùng? Đức Thế Tôn bảo: Tu-bồ-đề ở trong hang đá, thường trú trong Tam-muội, do đó được thấy pháp thân ta, người chỉ đến trông thấy sắc thân, do đó mà ở sau. Xưa kia Đức Phật có để lại minh văn rõ ràng, do đó Vô Trú tôi chẳng đi.

Có vị ở chung là Thiên sư Đạo Dật chuyên thực hành trì tụng lễ niệm, còn Hòa-thượng (Vô Trú) một bề bặt tư dứt lự, vào cảnh giới tự chứng. Thiên sư Đạo Dật nói với các Thiên sư nhỏ đồng học thừa Hòa-thượng: Mỗi ngày xin có sáu thời lễ sám. Cúi xin chấp thuận cho. Hòa-thượng bảo Thiên sư Đạo Dật v.v... rằng: Lúc này lương thực đều bặt dứt duyên, một số người vận chuyển vào trong núi sâu không nổi, nên phải y theo pháp mà tu hành, muốn được cuồng học, đó đều chẳng phải Phật pháp. Trong kinh Phật Đảnh nói: Tâm cuồng chẳng dứt hết, dứt hết tức Bồ-đề, minh tâm thẳng tịnh, vốn đồng pháp giới. Vô niệm tức là thấy Phật, hữu niệm tức là sanh tử. Nếu muốn được lễ bái tụng niệm tức là xuống núi. Dưới đất bằng có nhiều ngôi chùa trống, cứ mặc tình ra đi, còn nếu muốn được ở chung thì chỉ một bề vô niệm, nếu được như vậy thì mặc tình ở lại, không được liêu phải xuống núi đi. Thiên sư Đạo Dật thấy không được toại ý, bèn giã từ Hòa-thượng mà ra núi Thiên Thương, lại đến chùa Tịnh Tuyên ở Ích châu, trước tiên gặp Thượng tọa Không v.v... bèn nói: Trong núi có Thiên sư Vô Trú không thực hành lễ sám tụng niệm, chỉ chuyên ngồi không. Hà Không v.v... nghe nói vậy càng kinh ngạc kỳ quái gấp bội lúc thường, tự bảo: Há đó là lãnh tụ Phật pháp? Gặp Hòa-thượng Kim, Thiên sư Đạo Dật liền lễ bái, chưa xong, Hà Không v.v... hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Thiên sư Vô Trú ở núi Thiên Thương chỉ ngồi không, chẳng chịu lễ tụng, cũng chẳng chỉ

dạy người ở chung lễ tụng, há việc ấy là Phật pháp ư? Hòa-thượng Kim mắng Hà Không, Đạo Đạt v.v... rằng: Các ông đến sau. Lúc ta còn ở Hạc địa (hữu học), cơm còn chẳng kịp ăn, chỉ ngồi không, đại tiểu tiện cũng không công phu. Các ông không biết. Ngày ta đang ở núi Thiên Cốc cũng chẳng lễ bái niệm tụng, các bạn đồng học tức giận ta đều bỏ đi khỏi núi, không người đưa cho thức ăn, chỉ luyện đất làm thức ăn, cũng không công phu. Lúc ra núi cũng một bề ngồi không. Có Mạnh, chủ chùa nghe các bạn đồng học nói ta ngồi không, bèn đến nói Hòa-thượng Đường (Xử Tịch) mà gièm pha chế diễu ta, Hòa-thượng Đường nghe nói vậy càng hoan hỷ gấp bội. Lúc ta ở núi Thiên Cốc cũng không biết việc gièm pha chế diễu đó, đến lúc nghe Hòa-thượng Đường bôn đại chẳng an, nên từ núi Thiên cốc ta đến chùa Đức Thuần ở Tư châu. Mạnh, chủ chùa thấy ta đến, chẳng cho ta vào chùa, Hòa-thượng Đường nghe ta đến, sai bảo người gọi ta vào, đến trước phòng, ta lễ bái chưa xong, Hòa-thượng Đường liền hỏi: Ông ở núi Thiên Cốc làm việc gì? Ta đáp: Chẳng làm gì, chỉ không bận rộn. Hòa-thượng Đường bảo: Ông ở đó bận rộn, ta cũng bận rộn. Hòa-thượng Đường biết mọi người không biết.

Hòa-thượng bảo Cư sĩ (Huân Tuyên) rằng: Một chi Phật pháp của Tổ sư Đạt-ma là Hòa-thượng Kim ở Nhật Nam, tức là đó. Nếu chẳng thọ duyên thì dường như vào núi báu mà trở về tay không! Cư sĩ Huân Tuyên nghe vậy rồi, đứng dậy chấp tay thưa: Đệ tử xin vào phủ Thành đô ngay để thọ duyên. Hòa-thượng (Vô Trú) ở trong núi biết Hòa-thượng Kim (Vô Tướng) đang xa nghĩ nhớ, liền biết ý, bèn bảo Cư sĩ Huân Tuyên rằng: Đây có nửa cân mầm trà, Cư sĩ đem mầm trà này làm tin về kính dâng Hòa-thượng Kim, chuyển lời Vô Trú nói là xin đánh lễ Hòa-thượng Kim. Nếu Hòa-thượng Kim có hỏi Vô Trú tôi, thì nói Vô Trú tôi chưa định xuống núi. Cư sĩ Huân Tuyên liền giả từ Hòa-thượng đem mầm trà gửi kính dâng. Ngày 13 tháng 04 (năm 762) đến chùa Tịnh Tuyên ở phủ Thành đô. Vì Hòa-thượng Kim thân thể bất an, nên không người ngoài nào được vào thấy gặp. Huân Tuyên gặp Thiên sư Bồ-đề dẫn vào thấy gặp Hòa-thượng Kim, trình bày đầy đủ về mầm trà do Thiên sư Vô Trú kính dâng và chuyển lời xin đánh lễ. Hòa-thượng Kim nghe nói và thấy mầm trà, liền ngợi khen khác thường, bảo Huân Tuyên(): Thiên sư Vô Trú đã có tin đưa lại, vì sao tự thân chẳng đến đây? Huân Tuyên đáp: Thiên sư Vô Trú chưa định xuống núi. Hòa-thượng Kim hỏi: Ông là ai? Huân Tuyên đáp Hòa-thượng Kim rằng: Là đệ tử gần gũi nương hầu Thiên sư Vô Trú. Hòa-thượng Kim nhìn Huân

Tuyên và bảo: Ngày về lại núi Bạch nhai, ta có tin đưa đi, nên ông phải gặp lại ta. Đến ngày 15 (tháng 05), gặp Hòa-thượng Kim, Huân Tuyên nói: Muốn về lại núi Bạch nhai, xin theo sự chỉ bảo của Hòa-thượng. Khi ấy, Hòa-thượng Kim bảo các đệ tử gần gũi hầu hạ rằng: Tất cả các ông ra khỏi ngoài phòng nhà. Và liền gọi Huân Tuyên vào trong phòng. Huân Tuyên vâng lời vào phòng quỳ thẳng chấp tay, Hòa-thượng Kim đem pháp y ca-sa và bảo Huân Tuyên: Người đời có hỏi, chớ nên chỉ bày, đây là chiếc y mà Hoàng hậu Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sần, Hòa-thượng Trí Sần trao truyền cho Hòa-thượng Đường (Xử Tịch). Hòa-thượng Đường truyền trao cho ta, nay ta truyền trao lại cho Thiền sư Vô Trú pháp y này từ lâu xa đến nay quý trọng gìn giữ, chớ cho người biết! Nói xong, Hòa-thượng Kim buồn bã nghẹn ngào, tiếp bảo: Pháp y này đích đích tương truyền phó trao, phải nên cố gắng, cố gắng! Rồi Hòa-thượng liền cởi pháp y ca-sa trên thân, quần che phủ đùi vế, áo sam, tọa cụ v.v..., tất cả mười bảy vật trao cho Huân Tuyên và bảo: Ông đem các thứ y vật này thâm chuyển đến cho Thiền sư Vô Trú, và chuyển lời ta nói khéo tự gìn giữ. Cố gắng, cố gắng! Nay chưa phải lúc xuống núi, nên chờ đợi thời gian năm ba-năm nữa, tự có quý nhân đến đón rước rồi hãy ra. Và Hòa-thượng Kim liền bảo Huân Tuyên đi gặp, chớ cho người thấy. Sau khi Huân Tuyên đi rồi, Hòa-thượng Kim nói riêng một mình: Vật này đi chậm, đến đâu thì trở lại thâu đạt. Ngay lúc Hòa-thượng Kim nói như vậy thì chung quanh không có người. Các đệ tử ở ngoài phòng nhà nghe tiếng Hòa-thượng Kim nói, đồng một lúc vào phòng nhà, hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Sao nói riêng một mình? Chỉ nói ẩn? Vì Hòa-thượng Kim bốn đại chẳng an, mọi người thấy đã có dự đoán, tiện đó hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Pháp y từ xưa lưu truyền làm tin nay ở đâu? Phật pháp Hòa-thượng phó chúc cho người nào? Hòa-thượng Kim đáp: Pháp ta đến chỗ Vô Trú, còn y máng treo đầu cây gỗ. Không một người nào được. Hòa-thượng Kim xoay nhìn mọi người và bảo: Đây không phải là cảnh giới của các người. Các người đều tự mang lấy bản xứ đi. Ngày 15 tháng 04 niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai đổi niên hiệu thành niên hiệu Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường. Ngày 15 tháng 05, Hòa-thượng Kim đã xa phó chúc xong, đến ngày mười chín, bảo các đệ tử: Lấy xiêm y mới sạch cho ta thay, nay ta tắm gội. Xong đến nửa đêm giờ tý, Hòa-thượng Kim an nhiên thị tịch.

Phó nguyên soái Hoàng môn thị lang Đỗ Tướng Công, ngày đầu mới đến phủ Thành đô, nghe Hòa-thượng Kim là người không thể nghĩ bàn. Nay Hòa-thượng đã thị tịch, phải có đệ tử kế thừa tiếp nối theo

sau, bèn đến chùa Tịnh Tuyên và chùa Ninh Quốc ở Hành sơn thăm xem, thấy các dấu vết của Hòa-thượng Kim ngày trước, Tướng Công bèn gá hỏi các Thiền sư nhỏ v.v.... có vị tăng đệ tử kế thừa tiếp theo hay không? Các Thiền sư nhỏ đáp: Cũng không có người nào kế thừa tiếp theo. Ngày còn tại thế, Hòa-thượng có hai pháp y ca-sa, một pháp y hiện còn tại chùa Ninh Quốc ở Hành sơn, và một pháp y để lại tại chùa Tịnh Tuyên để cúng dường. Tướng Công không tin, lại hỏi các luật sư: Hồng tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim (Vô Tướng) là bậc thiện tri thức, tiếp thừa y bát từ xưa, sư sư tương truyền trao phó, nay Hòa-thượng Kim đã thị tịch, đệ tử kế thừa tiếp theo ở đâu? Các luật sư đáp Tướng Công rằng: Hòa-thượng Kim là người Phiên, nước ngoài, cũng không có Phật pháp. Ngày còn ở đời, không giảng nói pháp nhiều. Dẫu có giảng nói cũng không thể được chân chánh. Ngày còn ở đời, tuy đầy đủ sự cúng dường bố thí, nhưng không phải là vị Tăng có phước đức, nên dù có đệ tử cũng không hiểu rành Phật pháp. Tướng Công soi xét cao xa, liền biết đều là lời nói ghét ganh, bèn trở về nhà, hỏi người gần gũi lo việc là Khổng Mục Quan Mã Lương, Khương Nhiên v.v... Có biết ở Nhật Nam có bao nhiêu danh tăng Đại đức chăng? Mã Lương đáp: Tại nội viện thường thấy Tiết độ quân tướng nói: Phía Tây ải tầm nhai, trong núi Bạch nhai có Thiền sư Vô Trú được Hòa-thượng Kim trao truyền pháp y bình bát, đó là đệ tử kế thừa tiếp theo. Thiền sư ấy có hạnh nghiệp sâu dày, cũng chưa từng xuống núi. Tướng Công nghe nói vậy, xoay nhìn Mã Lương v.v... bảo: Hồng Tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim là bậc Đại Thiện tri thức, hôm trước tôi tự đến Hành sơn vào chùa Ninh Quốc và chùa Tịnh Tuyên, hỏi các đệ tử gần gũi hầu hạ Hòa-thượng Kim, nhưng họ đều bảo là không có đệ tử nào kế thừa tiếp theo và được truyền trao pháp y bình bát. Tôi lại đến hỏi các Luật sư họ đều nói lời phỉ báng. Nay y cứ lý do dấu vết này thì Thiền sư Vô Trú ở núi Bạch nhai hẳn phải là bậc Đạo hạnh. Ngay ngày đó đến chỗ nha sở, Tướng Công bèn hỏi các quân tướng rằng: Biết trong lãnh vực cai quản, có bậc danh Tăng Đại đức nào chăng? Tiết độ phó sứ Ngưu Vọng Tiên, Lý Linh Ứng, Quy Thành Vương, Đồng Gia Hội, Trương Ôn Âm Hợp, Trương Dư Quang, Trương Chấn, Vi Loan, Tần Địch v.v... bàn nói với Tướng Công rằng: Trong núi Bạch nhai có Thiền sư Vô Trú, không thể nghĩ bàn. Tướng Công hỏi Ngưu Vọng Tiên, v.v... Sao các ông biết? Ngưu Vọng Tiên đáp: Vọng Tiên tôi do Cao Đại Phu sai đi sứ đến nơi doanh tạo thạch bia cách đạo tràng không xa, có vài lần đánh lễ nên biết không thể nghĩ bàn. Tướng Công lại hỏi: Vừa rồi nói pháp

y bình bát ở tại đó, ai là người biết đích thực? Tần Địch, Trương Hoàng bàn với nhau, nói rằng: Tần Địch tôi v.v... được sung cùng theo đi tuần Ngô Hầu, ngày Hòa-thượng Kim mới thị tịch, các đệ tử gần gũi nương hầu ở hai chùa đều than thở, Chúc Thường Thị đến Đại Phu nói: Tín y của Hòa-thượng không được biết đích thực, và chẳng chịu đốt, Cao Đại Phu phán giao mọi người cùng theo đi tuần Ngô Hầu suy hỏi đích thực lãnh qua. Ngày đó mới có được hai pháp y ca-sa, mỗi chùa có một pháp y, nên pháp y làm tin không biết tìm ở đâu. Ngày đó không biết trong núi Bạch nhai ở phía Tây của Tàm nhai có Thiên sư Vô Trú. Về sau bị sai mười tướng lĩnh đem binh ngựa lên Tây sơn đánh thành Đàng cầu. Chưa tiến quân, khó khăn tại doanh tạo thạch bia, dừng nghỉ ở Hành doanh, gần đạo tràng. Tần Địch tôi cùng các quân tướng thiết trai đến đó cúng dường. Mới đầu gặp Thiên sư dung mạo giống hệt Hòa-thượng Kim, Tần Địch tôi v.v... cùng tưởng là của Hòa-thượng Kim hóa thân, gá hỏi tạm dừng ở, mới biết pháp y bình bát Hòa-thượng Kim trước kia sai bảo một người chuyển trao, bị người ấy giấu hai năm chẳng trao, mà đem bán cho một vị Tăng. Vị Tăng ấy có được pháp y, ban đêm mộng thấy vị thần bảo trả lại cho bản chủ, nếu không trả lại sẽ hấn tổn hại tánh mạng. Người mua (vị Tăng ấy) vội báo lại, sau bán không được, người kia lại đem đến chỗ Thiên sư ấy. Tần Địch tôi v.v... mới đầu nghe vậy, đang lúc suy tầm không biết pháp y ca-sa ở nơi nào, nay hiện ở tại đó liền xin đánh lễ, cũng không sanh làm nạn hại. Thiên sư ấy liền bưng pháp y ca-sa ra cho các quân tướng quan kiện v.v... được thấy, do đó biết ở tại đó. Tướng Công nghe nói vậy bèn khen: Kỳ thay! Lạ thay! Tăng ẩn tích Phật pháp chẳng dối người thế tục. Người thế tục muốn Phật pháp được lưu hành! Tiết độ phó sứ Lý Linh Ứng, Trương Ôn, Ngưu Vọng Tiên, Quy Thành Vương, Huân (Đồng) Gia Hội, Vi Loan, Tần Địch v.v... mọi người thay nhau ký tên trong văn thỉnh cầu Hòa-thượng. Tướng Công xoay nhìn các quân tướng biết Thiên sư Vô Trú, tự có tâm thỉnh cầu, Tướng Công sai phái Quan lục hương Mộ Dung Đảnh làm chuyên sứ, liền bảo ban ra văn điệp tại đường lần lượt đi, các châu huyện trang nghiêm dựng treo phướn hoa. Các tăng đạo tuổi cao và cả người có tiếng tăm, cùng các quan huyện xong việc cùng đến núi thỉnh cầu.

Văn điệp chưa ban xuất, mà Tiểu Kim sư và Trương Đại sư ở hai chùa Tịnh Tuyên và Ninh Quốc nghe thỉnh cầu Hòa-thượng Vô Trú, lo sợ không biết tính sao, bèn cùng các luật sư bình chương phỏng định làm việc ma, trước tiên nghiêm tấu thượng thư Biểu, đệ tử Luật sư Tiêu

v.v... dặn Đại sư Thái phu nhân đoạt lấy Thiền viện của Hòa-thượng Kim làm Luật viện, lấy Thiền đường của Hòa-thượng Kim làm Luật đường. Tiểu Kim sư cầu thả an thân, luật sư Tiêu v.v... cùng biết tính hợp làm luật viện, lập bia, Đô Ngang soạn văn, luật sư Trương Tri cùng Vương Anh Diệu và Tiểu Kim sư, Trương Đại sư, căn dặn Đô Ngang lang trung, luật sư Vương Anh Diệu cùng Vương Kiến là đồng họ nên cùng nhau nhận làm anh em, căn dặn Thôi Bộc Xạ, Nhâm phu nhân, thiết trai thọ thực xong, Tiểu Kim sư liền giơ cao pháp y ca-sa do Bùi Bội Xạ cúng thí trình bày với Bộc Xạ và phu nhân. Tiểu Kim sư buồn khóc nói: Đây là pháp y ca-sa được tiếp thừa từ xưa trước làm tin, Bộc Xạ can trước nay không biết việc này, thỉnh cầu Thiền sư Vô Trú, Tướng Công có ý kính trọng, chẳng liên quan can sự. Đô Ngang, Vương Kiến quanh co đồng đảng sợ đoạt lấy Luật viện, nên xoay nhìn hỏi các Luật sư: Sơn tăng Thiền sư Vô Trú ấy có đại nghiệp gì? Luật sư Anh Diệu v.v... cùng đáp: Nếu thỉnh Thiền sư Vô Trú ấy không có hiểu biết, còn thỉnh chư Tăng đây rất có ích cho các hàng xuất gia. Thượng thư hỏi: Vì sao không ích lợi cho hàng xuất gia? Đáp: Có một người thợ ở Vãn châu khắc đúc công đức binh được một pháp y ca-sa tính trị giá hai mươi ngàn (20.000) văn, bị Thiền sư kia đoạt lấy y của người thợ, không trả lại, mà bảo: Hòa-thượng Kim cho ta thực hành không sự tướng lễ tụng trì niệm, y theo dấu vết ấy thì không ích lợi cho hàng xuất gia. Bộc Xạ xoay nhìn luật sư và bảo: Trước kia, can ở tại Tây sơn binh ngựa đã biết ý hướng. Các luật sư v.v... dùng gì cùng vu khống vậy? Nói xong liền lia khỏi chiếu. Bạn đảng ma quái đổi sắc mặt không biết tính sao, việc ma bèn chấm dứt.

Ngày 23 tháng 09 niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ hai (766) thời Tiền Đường, Mộ Dung Đảnh cùng các quan huyện, đạo Tăng v.v... đến núi Bạch nhai thỉnh cầu Hòa-thượng, chuyển lời Tướng Công, Bộc Xạ và Giám Quân xin đánh lễ, nguyện xin Hòa-thượng chẳng bỏ từ bi, vì các hành thương sanh trong ba thực mà làm rường cột lớn. Do chí thành hết lòng cầu thỉnh, Hòa-thượng biết Tướng Công thấu hiểu Phật pháp sâu sắc, kính mến Đại thừa, biết Bộc Xạ là người nhân từ khoan hậu, biết Giám Quân kính Phật, Pháp, Tăng. Xét biết là đồng duyên đồng hội nên chấp thuận sự thỉnh cầu. Liền có phước đẹp lọng báu, các vị Đại đức ở các châu lo ngại Hòa-thượng không ra khỏi núi Bạch Nhai, cũng đến cửa núi cùng nhau thỉnh cầu, tức đưa kiệu báu đến đón rước Hòa-thượng, mời Hòa-thượng vào ngồi trong kiệu, Hòa-thượng không chấp thuận, đi từng bước chậm rãi. Ngày Hòa-thượng muốn xuống núi,

trong cảnh Vực của châu Mậu có sáu lần rung chuyển, núi sông gấm rống, chim trùng kêu réo. Muôn dân cùng hỏi nhau: Đó là điềm lành gì thấy có sứ đến cầu thỉnh Hòa-thượng. Các Tăng Ni đạo tục ở xứ đó lại cầu thỉnh Hòa-thượng ở lại. Chuyên sứ nói với các đạo tục rằng: Đây là ý của Tướng Công, Bộc Xạ trọng vì thương sanh trong Ba thực. Đau duyên chỉ cảnh Vực này mà chẳng hứa ở lại. Ngày Hòa-thượng chưa xuống núi, giặc cướp đua nhau dấy lên. Các châu không được mùa màng, thóc gạo khan hiếm. Dân chúng bàng hoàng lo sợ. Tướng Công, Bộc Xạ thỉnh Hòa-thượng xuống núi, đến các châu huyện thì lúa thóc gấp bội rẻ giá, dân chúng an vui, khắp nơi mùa màng trúng mùa, giặc cướp tự dứt trừ hết, an nhiên vô sự. Hòa-thượng đến châu nào thì châu sứ đích thân đón rước. Đến huyện, huyện lệnh dẫn đường, nhà nhà treo phướn, cửa cửa đốt hương, mọi người đều nói: Thương sanh có phước! các đạo tục đầy đường xướng rằng: Hòa-thượng Vô Tướng đi, Hòa-thượng Vô Trú lại, đây tức là Phật Phật trao tay, hóa hóa chẳng dứt, đốc đốc truyền nhau, pháp nhãn lại tỏa sáng, cờ pháp được dựng lập, đại hành Phật pháp. Tướng Công ban lệnh Đô Áp Nha, Khâm Hoa Tra xa đón rước Hòa-thượng. Khâm Áp Nha truyền lời Tướng Công rằng: Hồng Tiêm chột mắc bệnh phong, chẳng được ra xa đón rước. Đến ngày lễ bái, Nhật Nam tây xuyên Tiết độ sứ tả Bộc Xạ kiêm Hương sử đại phu Thành đô doãn Thôi Công, Lệnh đô Ngô Hầu Vương Hưu Xử Nham, Thiếu phủ giám Lý Quân Chiêu, Nha tiền ngô hầu Đỗ Chương v.v... truyền lời Bộc Xạ đánh lễ Hòa-thượng rằng: Đệ tử là địa chủ, tự phải ra xa đón rước, duyên vì Tướng Công bị bệnh phong, do đó, đệ tử và Giám Quân sứ chẳng dám lại trước, cúi xin Hòa-thượng soi xét cho! Truyền lời xong, đồng một lúc dẫn đưa Hòa-thượng đến chùa Không Tuệ ở nghỉ. Lúc đó là ngày 29 tháng 09.

Đến ngày mồng 01 tháng 10, Đỗ Tướng Công, Ngô Giám Quân sai các Lang quan thị lang Đông Xuyên Lưu Hậu, Lang trung Đỗ Tế, Hành quân Đỗ Tạng, Kinh công nam sứ trung thừa Tô Vu, Tề minh Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á, Đô Ngang, Mã hùng, Sầm Tham, Quán sát phán quan viên ngoại Lý Bố, Viên ngoại Liễu Tử, Hoa thanh miêu sứ Ngô Úc, Tổ dong sứ Vi Hạ, Hữu thị lang Địch Bát Tế, Thôi Kháng, Thôi Thích, Vương Kiến, Tô Sưởng, Tư Mã Liêm, Lưỡng thiếu doãn Thành Bí, Bạch Tử Phưởng, Lưỡng huyện lệnh Ban v.v... trước đến thưa bạch Hòa-thượng rằng: Tướng Công đến bái yết Hòa-thượng. Hòa-thượng đáp: Lại tức từ nơi khác lại. Áp Nha thưa Hòa-thượng: Quốc tướng quý trọng, nên phải ra đón rước. Hòa-thượng đáp: Không nên đón rước.

Đón rước tức là tình người, chẳng đón rước tức là Phật pháp. Ấp Nha lại muốn nói, chợt nhiên Tướng Công vào viện, thấy Hòa-thượng dung nghi chẳng máy động, nghiêm nhiên an tường, Tướng Công cúi mình xuống thêm lễ bái chấp tay, hỏi tin đây ở. Các lang quan, thị lang chưa từng thấy có việc như thế, chợt thấy Hòa-thượng chẳng đón rước, chẳng đứng dậy, chong chong nhìn nhau hỏi: Vì sao chẳng đón rước, chẳng ngồi dậy. Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á cùng lâu hầu Tướng Công rất biết ý chỉ, cũng nói thông Phật pháp. Các lang quan, thị lang trông xem Thiên sư đây hẳn đáng có đạo, Tướng Công tự soi xét, sao quái lạ như vậy. Ngày đó ngoài cửa Tiết độ phó sứ Ngô Hầu chợt nghe Hòa-thượng thấy Tướng Công mà chẳng ngồi dậy, chẳng đón rước, lo sợ thất sắc, lưu hành mưa rây sai bảo người ngầm do nghe, lại chờ đợi phân xử, thấy Tướng Công ngồi an nói cười, Hòa-thượng giảng nói pháp, Tướng Công chấp tay cúi đầu, các quan v.v... thăm mừng, mọi người ngoài cửa nghe rồi, liền hết lo âu.

Mới đầu ngồi yên, Tướng Công hỏi Hòa-thượng: Vì sao đến đây? Hòa-thượng đáp: Xa đến chỗ Hòa-thượng Kim. Tướng Công lại hỏi: Trước ở xứ nào? Nay lại xa đến chỗ Hòa-thượng Kim? Hòa-thượng Kim giảng nói giáo pháp gì? Hòa-thượng đáp: Từ chùa Bảo Phúc ở Đài sơn, đến Phần châu v.v... và cả núi Hạ lan đều nghe Hòa-thượng Kim giảng nói pháp Đốn giáo, do đó mà xa đến. Tướng Công hỏi: Hòa-thượng Kim giảng nói về không nhớ không niệm chớ vọng, có phải không? Hòa-thượng đáp: Đúng vậy. Tướng Công lại hỏi: Ba câu ấy là một hay là ba? Hòa-thượng đáp: Là một, chẳng phải ba. Không nhớ tức là giới, không niệm tức là định, chớ vọng tức là tuệ. Hòa-thượng lại bảo: Niệm chẳng khởi tức là giới môn. Niệm chẳng khởi là định môn. Niệm chẳng khởi là tuệ môn. Vô niệm tức giới định tuệ đầy đủ. Tướng Công lại hỏi: Đã một chữ Vọng 亡 thì dưới chữ Vong 亡 là chữ nữ 女 hay dưới chữ Vong 亡 là chữ Tâm 心? Hòa-thượng đáp: Dưới chữ Vong 亡 là chữ Nữ 女. Tướng Công hỏi: Có chứng cứ chẳng? Hòa-thượng đáp: Có. Lại dẫn kinh Pháp Cú nói: Nói các pháp tinh tấn, vì Tăng thượng mạn nói, nếu không tăng thượng mạn, không thiện, không tinh tấn. Nếu khởi tâm tinh tấn, là vọng chẳng tinh tấn, nếu tâm chẳng có vọng, tinh tấn không ngần mé. Nghe nói vậy, Tướng Công lại hỏi Hòa-thượng: Thấy cây trước sân chẳng? Hòa-thượng đáp: Thấy Tướng công lại hỏi. Ngoài tường vách phía sau có cây, thấy chẳng? Hòa-thượng đáp: Bất luận trước sau, khắp cả mười phương thế giới đều thấy, đều nghe. Trên cây trước sân có tiếng chim chá-cô hót, Tướng Công lại hỏi: Nghe tiếng chim chá-cô hót

chăng? Hòa-thượng đáp: Thấy nghe hay biết đây là thấy nghe biết của thế gian. Trong kinh Duy-ma nói: Nếu hành thấy nghe hay biết tức là thấy nghe hay biết, pháp lìa thấy nghe hay biết, vô niệm là không thấy, vô niệm là không biết. Vì chúng sanh hữu niệm, mà giả nói vô niệm. Chánh lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Hòa-thượng lại dẫn Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Tôn giả Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm, vô niệm không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng diệt. Lại dẫn Kinh Duy-ma nói: Chẳng hành là Bồ-đề, không nhớ niệm nên thường cầu vô niệm, thật tướng trí tuệ. Kinh Lăng-già nói: Thánh giả chứng bên trong, thường trú nơi vô niệm. Kinh Phật Đảnh nói: A-nan! Ông vừa nêu tâm, trần lao khởi trước. Và kinh lại nói: Thấy còn lìa thấy, thấy không sánh bằng. Kinh Tư Ích nói: Thế nào là tất cả Chánh pháp? Thế nào là tất cả tà pháp? Nếu dùng tâm phân biệt, tất cả đều tà pháp, nếu chẳng dùng tâm phân biệt, tất cả đều là Chánh pháp. Trong pháp vô tâm, khởi tâm phân biệt, đều là tà. Kinh Lăng-già nói: Thấy Phật nghe pháp đều là tự tâm phân biệt. Người chẳng khởi thấy, gọi là thấy Phật. Nghe giảng pháp như vậy rồi, Tướng Công đánh lễ thưa Hòa-thượng rằng: Hồng Tiệm mới đầu nghe ngày Hòa-thượng chưa xuống núi, Hồng Tiệm đến chùa Tịnh Tuyền và chùa Ninh Quốc xem các dấu vết của Hòa-thượng Kim, là bậc Đại Thiện tri thức, tức biết Nhật Nam lại đáng còn có Thiện tri thức, Hồng Tiệm hỏi khắp các sư tăng về ba câu của Hòa-thượng Kim, đến chữ Vọng 亡 mà các sư Tăng đều đáp dưới chữ Vong 亡 là chữ Tâm/心, và ba câu mỗi tự riêng khác chẳng quyết nhất điều nghi của đệ tử. Hồng Tiệm lại đến hỏi các quân tướng Nhật Nam há không còn có chân Tăng? mà không một người nào đối đáp được. Tiết độ Phó sứ Ngưu Vọng Tiên, Tần Địch v.v... đều bàn nói với Hồng Tiệm là Hòa-thượng là bậc có đạo hạnh đức nghiệp sâu dày, do đó, đến xa kính thỉnh, cúi xin Hòa-thượng chẳng xả bỏ tâm từ bi, vì thương sanh ở ba thực mà làm nhân duyên tốt lành lớn! Nói xong, Tướng Công lễ bái và thưa tiếp: Đệ tử vì việc công có hạn. Vì Bộc Xạ, các Tiết độ phó sứ chưa được lễ bái Hòa-thượng. Hồng Tiệm chưa rời khỏi Nhật Nam. Mỗi ngày chẳng lìa quanh đây. Nói xong, Tướng Công kính tạ lui ra.

Bộc Xạ biết Tướng Công vui mừng, nói rằng: Hòa-thượng, thật không thể nghĩ bàn. Và liền cùng Nhâm phu nhân với Tiết độ quân tướng đồng đánh lễ Hòa-thượng, đứng dậy hỏi thăm xong, phân định ngôi yên đúng chỗ. Đô Áp Nha cho các quân tướng đồng nghe. Lúc Hòa-thượng giảng nói pháp, có Pháp sư Vô Doanh và Pháp sư Lương Nguyên, là các vĩ tài giỏi trong chúng Tăng, cùng ngồi dự giữa Đại

chúng. Hòa-thượng dẫn nêu kinh Phật Đảnh nói: A-nan! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, do các thứ điên đảo, nghiệp chủng tự nhiên, như chùm trái ác xoa. Các thầy tu hành chẳng được thành Vô thượng Bồ-đề, cho đến thành Thanh văn, Duyên giác, và thành ngoại đạo, quyến thuộc của các trời ma vương, đều do không biết hai thứ căn bản tu hành sai loạn, giống như nấu cát mà muốn thành thức ăn ngon, dầu có trải qua số đời kiếp nhiều như cát bụi cũng không thể được. Thế nào là hai thứ? Nay A-nan! Một là căn bản sanh tử từ vô thủy, thì nay ông và các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là Niết-bàn Bồ-đề từ vô thủy lại thể tánh vốn không; thanh tịnh thì nay ông do thức tính vô minh sanh ra các duyên, bởi duyên sai khiến, do mất bản minh, nên tuy suốt ngày thực hành mà chẳng thể tự giác, tại rơi vào các đường. Hòa-thượng lại giảng: Tất cả chúng sanh xưa nay viên mãn, trên đến Chư Phật dưới đến tất cả hàm thức cùng đồng bản tánh thanh tịnh. Vì chúng sanh khởi một niệm vọng tâm liền nhiễm ba cõi. Vì chúng sanh hữu niệm, nên nói vô niệm, nếu không hữu niệm thì vô niệm cũng chẳng có. Vô niệm tức là Vô sanh, vô niệm tức là vô diệt, vô niệm tức là vô ái, vô niệm tức là vô tăng (ganh ghét), vô niệm tức là vô thủ, vô niệm tức là vô xả, vô niệm tức là không cao, vô niệm tức là không thấp, vô niệm tức là không nam, vô niệm tức là không nữ, vô niệm tức là không phải, vô niệm tức là không quý. Chính lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có. Tâm sanh tức các pháp sanh. Tâm diệt tức các pháp diệt. Tâm vốn như vậy, tội cấu cũng vậy, các pháp cũng vậy. Chính lúc vô niệm, tất cả các pháp đều là Phật pháp, không một pháp nào lìa khỏi Bồ-đề. Hòa-thượng lại bảo: Do vọng mà có sanh, do vọng mà có diệt. Sanh diệt gọi là vọng, vọng diệt gọi là chân, đó gọi là Vô thượng Bồ-đề, và Đại Niết-bàn. Hòa-thượng giảng nói pháp rồi, ngồi thẳng không lay động. Bộc Xạ nghe giảng pháp xong, chấp tay bạch Hòa-thượng: Can là địa chủ, tự đáng phải ra xa đón rước, nhưng vì việc công không được rảnh, xin Hòa-thượng chớ trách. Trước kia con vốn là Tây thượng binh ngựa sứ. Hòa-thượng ở Lan nhã tại núi Bạch nhai, không phải ngay nhà, nếu có điều cần, chuyên sai nha tiền Ngô Hầu giang nương thừa tiếp cúng Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trăm thứ chẳng cần. Hòa-thượng lại bảo: Ông chỉ nên nói về tâm, các vị trời sẽ bày biện cúng dường. Thế nào là nói về tâm? tâm không cầu, tâm không tham, tâm không ái, tâm không nhiễm. Với Phạm thiên, chẳng cầu mà Phạm thiên tự đến, với quả báo, chẳng cầu mà quả báo tự đến, vô lượng sự quý báu, chẳng cầu mà tự đến. Hòa-thượng lại bảo: Biết đủ, thì rất

giàu sang, ít muốn, rất an vui. Bộc Xạ nghe Hòa-thượng giảng, chấp tay kính lễ. Pháp sư Lương Nguyên đánh lễ bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử một lần được nghe pháp rồi, lười nghỉ liền dứt, nay đến nương tựa Hòa-thượng, cúi xin chấp thuận! Còn Pháp sư Vô Doanh vẫn cao ngạo, bèn kính sợ đổi sắc mặt. Hòa-thượng hỏi Pháp sư Vô Doanh: Ông có biết chữ khách chăng? Pháp sư Vô Doanh đáp: Dẫn các pháp tướng, rộng dẫn văn nghĩa. Hòa-thượng bảo: Pháp sư không biết chủ khách, gượng nhận tiền trần làm tâm trôi theo sanh tử, tự cho là hiểu biết, giống như nấu cát muốn thành thức ăn ngon, dù nhiều số kiếp cũng chỉ thành cát nóng, chỉ lừa dối mình và lừa dối kẻ khác. Trong kinh Lăng-già nói: Theo lời mà lấy nghĩa, dựng lập nơi các pháp, vì kia dựng lập nên, chết đọa vào địa ngục. Pháp sư Vô Doanh nghe giảng pháp mà nghiêng thân mình lệch khỏi chỗ ngồi. Hòa-thượng hỏi: Vô ký có mấy thứ? Pháp sư Vô Doanh đáp: Có Dị thực vô ký, Biến dịch vô ký, Công xảo vô ký, Oai nghi vô ký. Hòa-thượng lại hỏi: Thế nào là hữu ký? Pháp sư Vô Doanh đáp: Ý thức thứ sáu là hữu ký. Hòa-thượng bảo: Ý thức thứ sáu là thức điên đảo, tất cả chúng sanh chẳng ra khỏi ba cõi đều do ý thức. Lúc ý không sanh tức vượt ba cõi. Cạo đầu xuống tóc đều là đệ tử của Phật, chẳng phải học hữu ký, không thể học vô ký. Các Pháp sư thời nay thấy đều học vô ký, chẳng trú Đại thừa, vượt quá danh ngôn, nghĩa ấy rõ ràng. Người ngu chẳng thể tự giác. Giác là nhận biết các tình thức rỗng lặng không sanh, gọi đó là Giác. Nghe nói vậy, Pháp sư Vô Doanh đui lý. Hòa-thượng bảo: Vô ký có hai thứ: một là Hữu phú vô ký và hai là Vô phú vô ký. Ý thức thứ sáu cho đến nhãn v.v..., năm thức trước đều thuộc Hữu phú vô ký. Từ Ý thức thứ sáu cho đến thức thứ tám đều thuộc Vô phú vô ký, và đều gượng đặt tên gọi đó. Lại thêm thức thứ chín là thức thanh tịnh cũng là vọng lập. Hòa-thượng lại dẫn nêu kinh Lăng-già nói: các thức Tám chín, như các gợn sóng biển, tập khí thường thêm lớn. Rễ bàn nương bền chắc. Tâm theo dòng cảnh giới, như sắt nói từ thạch, như nước chảy dốc hết, sóng cả tức chẳng nổi, ý thức như vậy diệt, các thứ thức chẳng sanh, các thứ ý sanh thân. Ta nói là tâm lượng, được pháp không tư tưởng. Phật tử chẳng Thanh văn. Nghe giảng pháp như vậy, Pháp sư Vô Doanh chỉ khen ngợi không thể nghĩ bàn! Hòa-thượng lại hỏi: Kinh Lăng-già chép: Dùng nêi tháo nêi, nghĩa ấy như thế nào? Pháp sư Vô Doanh đáp: Thí như bể gỗ, trước lấy nêi lớn xuống, tức nêi nhỏ xuống, khiến nêi lớn ra. Hòa-thượng chấp ngay Pháp sư Vô Doanh, bảo rằng: Đã dùng nêi nhỏ để ra nêi lớn, nêi lớn đã ra thì nêi nhỏ trở lại còn đó. Thế nào là dùng nêi ra nêi? Pháp sư Vô

Doanh lại không có lời lẽ để đối đáp. Pháp sư liền giải thích: Nêm là dụ cho phiền não chúng sanh. Nêm dụ cho ngôn giáo của Chư Phật Như lai. Nêm phiền não đã không thì Pháp chẳng tự có. Thí như người bị bệnh, bèn cho thuốc hay, nếu bệnh được lành, thuốc hay đều bỏ. Nay Pháp sư chấp pháp ngôn giáo, như người bệnh chấp phương mà chẳng chịu uống thuốc, chẳng bỏ văn tự cũng như nêm ở trong gỗ. Trong kinh Lăng-già nói: Thí như dùng ngón tay để chỉ đồ vật, trẻ con chỉ nhìn ngón tay mà không trông nhìn đồ vật. Theo lời nói chỉ, mà sanh chấp trước, cho đến trọn đời chẳng thể xả bỏ văn tự mà cho đó là đệ nhất nghĩa. Hòa-thượng lại hỏi Pháp sư về nghĩa của ba ngôi báu, Bốn đế. Lại hỏi nghĩa của Ba thân, Pháp sư Vô Doanh lại chẳng dám trả lời, chỉ ngợi khen là không thể nghĩa bàn. Bộc Xạ nghe giảng pháp như vậy rồi càng vui mừng gặp bội, thưa rằng: Ngay hôm ấy đệ tử lo sợ Hòa-thượng ở lâu trong cửa núi thì ngại sợ quan quyền đối đáp với Tướng Công không được thẳng duyên lo sâu. Các bậc sư Tăng ở tam xuyên, đều không có một người có khả năng đối đáp xứng ý Tướng Công. Tướng Công qua một lần gặp Hòa-thượng, bèn đến nói với đệ tử thật đáng là bậc đạo giả! Bẩm tánh đặc đạt, cao vời khác hẳn chư Tăng! và ngợi khen không thể nghĩa bàn. Đệ tử nghe Tướng Công nói, mừng vui hơn hờ chẳng thể tự dần. Đệ tử có phước gặp thời không lo buồn. Các quân tướng đều mừng vui an ủi, không thể nói cùng. Xong, Bộc Xạ bèn đánh lễ mà lui ra.

Bấy giờ có Thiên sư Thế Vô ở Đông kinh, là bậc tuấn triết trong chúng tăng, nơi nơi đều cầu thỉnh làm thầy, giới luật oai nghi và các pháp sự, thông minh lắm biện tài, cũng tôn xưng là Thiên sư, vốn là đệ tử của Thiên sư Hoàng Chính trú tại chùa Thánh Thiện, cùng Tấn nguyên đậu thừa thập phương Lý Khứ, Thái thanh thành Tô Thừa, Phán quan Chu Hợp v.v... tìm hỏi Hòa-thượng, thẳng đến chỗ Thiên đường. Hòa-thượng thấy lại, cùng tự nhiên mỗi tự ngồi yên. Thiên sư Thế Vô hỏi: Hòa-thượng là đệ tử của ai, là tông chỉ của ai? Hòa-thượng đáp: Là tông chỉ của Phật, là đệ tử của Phật. Hòa-thượng lại bảo: Xà-lê cạo tóc đắp mặc pháp y tức là đệ tử của Phật, đâu cần phải hỏi. Tông chỉ của thầy là y cứ kinh Liễu nghĩa, chẳng ý cứ kinh Bát liễu nghĩa. Nếu có điều nghi thì mặc ý cứ hỏi. Thiên sư Thế Vô biết Hòa-thượng là đệ tử của Hòa-thượng Kim, bèn nói lời hủy báng rằng: Hiếm thấy người ở Nhật Nam chẳng khởi tâm Thiên sư đánh người mà bảo là không đánh, tức giận người mà bảo không tức giận, có người cúng thí lại thọ nhận mà nói không thọ nhận. Thế Vô tôi rất không hiểu điều này? Hòa-thượng đáp: Tu hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy người báo ân, chẳng thấy

người tạo ân. Đã không có thọ nhận mà thọ nhận các thứ chưa đủ, Phật pháp cũng chẳng diệt thọ. Vô Trú tội từ khi mới phát tâm cho đến ngày nay chưa từng thọ nhận một mảy lông tóc cúng thí. Nghe nói như vậy, Thiền sư Thế Vô nhìn các quan bảo rằng: Thiền sư này nói năng rất khác lạ. Hòa-thượng hỏi Thiền sư Thế Vô rằng: Xà-lê miệng đã tự nhận là Thiền sư, vì sao khởi tâm đánh người, khởi tâm tức giận người, khởi tâm thọ nhận cúng thí? Thiền sư Thế Vô tự nhận biết mình lạc mất tông chỉ, bỗng nhiên đổi sắc mặt, suy lường giây lâu chẳng nói, mà hỏi Hòa-thượng: Có hiểu kinh Lăng-già chẳng? Hòa-thượng đáp: Giải là chẳng hiểu. Các quan cùng nói với Hòa-thượng: Thiền sư chỉ giảng nói, sao lại cùng vặn hỏi? Hòa-thượng bảo các quan: Nếu giảng nói, sợ các người không tin. Các quan đáp: Xin tin. Hòa-thượng liền bảo: Nếu ta nói đầy đủ, hoặc có người nghe, tâm sanh cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Và Hòa-thượng liền dẫn Kinh Lăng-già nói: Người ngu thích nói vọng, chẳng nghe trí tuệ chân thật, giảng nói gốc của ba cõi, thật là diệt nhân khổ. Giảng nói tức đối khác, chân thật lia vắn tự, nơi tâm cảnh vọng tướng, ngu sanh hai thứ thấy, chẳng biết tâm và duyên, tức khởi hai vọng tướng, rõ tâm và cảnh giới, tướng vọng sẽ chẳng sanh. Thiền sư Thế Vô nghiên cứu nghĩa, nêu dẫn kinh Pháp Hoa có ba thừa. Hòa-thượng dẫn kinh Lăng-già nói: Người ngu si kia nói có ba thừa, chẳng nói duy tâm, không các cảnh giới, tâm không giác biết, sanh động niệm tức là lưới ma. Lại dẫn kinh Tư Ích nói: Thế nào là tất cả pháp chánh, thế nào là tất cả pháp tà? Nếu dùng tâm phân biệt, tức tất cả đều là pháp tà, nếu dùng tâm không phân biệt, thì tất cả đều là pháp chánh. Trong pháp không tâm, khởi tâm phân biệt, thấy đều là tà.

Có Thiền sư Tuệ Úc, mọi người ở đương thời gọi là Lý Sơn Tăng, hỏi Hòa-thượng rằng: Vì Bắc Thiền sư làm sao vào làm? Hòa-thượng đáp: Thiền sư vừa chẳng có Nam, vừa chẳng có Bắc, cũng chẳng vào làm, cũng chẳng ra làm, chẳng được chẳng mất, không đi, không đứng, chẳng chìm chẳng nổi, sống lao nhao. Thiền sư Tuệ Úc nghe xong cúi đầu chấp tay mà ngồi.

Có Thiền sư Nghĩa Tịnh, Thiền sư Xử Mặc, Thiền sư Đường Uẩn đều là đệ tử của Thiền sư Tuệ Minh, đến muốn được bàn luận Phật pháp với Hòa-thượng, Hòa-thượng hỏi: Xà-lê hiểu kinh luận gì? Thiền sư Đường Uẩn đáp: Giải luận Bách pháp, từng làm tăng giảng. Hòa-thượng nói. Thiền sư Đường Uẩn đáp: Trong có năm thứ vô vi, ngoài có năm thứ hữu vi, nhiếp hết tất cả các pháp.. Hòa-thượng dẫn kinh Lăng-già nói: Vô trí thường phân biệt, hữu vi và vô vi. Nếu những người tu

hành, không nên khởi phân biệt, trong kinh nói vọng tưởng, chẳng hề vượt ngoài danh. Nếu lìa bỏ lời nói cũng không có chỗ nói. Thiền sư Đường Uẩn nói với Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xin Xà-lê lại hỏi. Thiền sư Nghĩa Tịnh liền hỏi Hòa-thượng: Thiền sư làm, chớ sanh ngôi Thiền. Hòa-thượng đáp: Chẳng sanh, chỉ ẩn một Thiền. Thiền sư Nghĩa Tịnh chẳng hiểu, liền hỏi Thiền sư Xử Mặc: Thế là thế nào? Thiền sư Xử Mặc cũng không hiểu, lại hỏi Thiền sư Nghĩa Tịnh. Hòa-thượng biết không hiểu, bèn hỏi Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xà-lê hiểu kinh luận gì? Thiền sư Nghĩa Tịnh hỏi: Giải giới Bồ-tát, từng làm Tăng giảng. Hòa-thượng hỏi: Giới lấy gì làm thế? Lấy gì làm nghĩa? Thiền sư Nghĩa Tịnh không lời lẽ để đối đáp, bèn tuôn lời dơ bản: Chẳng phải tôi không hiểu, để vì thử ông, dường như Thiền ẩn một của ông, tôi nghi ngờ không thực hành. Thiền sư Xử Tịch tiếp lời: Tôi nghi ngờ ông ngu độn chẳng làm, ta giận buồn chẳng làm, ta biếng lười nghi ngờ chẳng làm, ta lười nhác nghi ngờ chẳng vào. Hòa-thượng bảo với chư Tăng: Lý Như như đầy đủ trí Nhất thiết, Vô thượng Đại thừa vượt quá danh ngôn, nghĩa ấy rất rõ ràng, ngu phu không hay biết, Vô Trú tôi cùng các vị Xà-lê nói một duyên khởi. Trong xóm làng nọ vào một buổi sớm mai, có tiếng trẻ con gào khóc, người ở gần đó bèn đến xem, thấy người mẹ tức giận đánh, người ở gần ấy hỏi: Vì sao đánh nó? Người mẹ ấy đáp: Vì nó đá ỉa trên giường. Người ở gần đó la rầy người mẹ rằng: Nó là trẻ con, sao lại đánh nó. Lại nghe có tiếng gào khóc, người ở gần đó nghe lại đến hỏi, thấy một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, người mẹ dùng cây đánh nó. Người ở gần đó hỏi: Vì sao đánh nó? Người mẹ đáp: Nó đá ỉa trên giường. Người ở gần đó nghe nói, bèn bảo: Gã này lẩm ứng nên cút đá, ngay phải đánh đau. Các loại tăng như vậy, thí như voi ngựa đánh đòn đau buồn chẳng thuận điều, lại thêm các gậy độc cho đến thấu suốt xương cốt. Hòa-thượng lại giảng nói: Muốn cầu an vui tịch tịnh phải học pháp Sa-môn, không tâm lìa ý thức, tức là pháp Sa-môn. Các Xà-lê cạo tóc đắp mặc pháp y, tự nói ta là đệ tử Phật mà chẳng chịu học pháp Sa-môn, miệng chỉ nói, mà nhác làm, lười làm, nghi ngờ ngu độn chẳng vào. Đó chẳng phải là Sa-môn Thích Tử, đó chính là loại Dã can, Phật có lời văn rõ ràng ở đời vị lai sẽ có người đắp mặc pháp y ca-sa, vọng nói ở các hữu, hủy hoại Chánh pháp của ta. Thí như dùng ngón tay chỉ đồ vật, kẻ phàm ngu si, chỉ nhìn ngón tay, chẳng xem đồ vật, theo lời nói chỉ mà sanh chấp trước, cho đến hết đời chẳng bao giờ xả bỏ chỗ chỉ của văn tự. Theo lời mà lấy nghĩa, tạo lập các pháp, vì tạo lập kia nên chết đọa vào địa ngục. Chư tăng nghe giảng nói, mịt mờ đổi sắc mặt,

từ tạ lui ra.

Có Thiền sư Tịnh Tạng trú tại chùa Thắng Quang tại Tây kinh, nghe Hòa-thượng là người không thể nghĩ bàn, bèn từ xa tìm đến. Hòa-thượng hỏi: Sao biết là không thể nghĩ bàn? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Bởi biết pháp y bình bát của Hòa-thượng Kim truyền trao cho Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Làm sao biết? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Các tăng tục đều nói Hòa-thượng đích thực là người đặc pháp từ Hòa-thượng Kim. Đệ tử may mắn lắm có phước được gặp Hòa-thượng. Nói xong bèn đánh lễ. Hòa-thượng hỏi: Ngày trước học kinh luận gì? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Đệ tử có đọc Duy ma sơ chương, cũng học pháp ngời Thiền, tông chỉ của Thái Bạch. Hòa-thượng liền vì giảng pháp: Vô ý là đạo chẳng quán là Thiền, Sư chẳng lấy cũng chẳng bỏ, cảnh đến cũng chẳng duyên. Nếu xem chương sơ tức là tướng niệm ổn động, nếu học tông chỉ Thái Bạch, tông chỉ ngời Thiền tức là y tướng phan duyên. Nếu muốn ở lại đây thì tất cả sở học từ trước đến nay đều dứt sạch, chẳng còn lưu giữ trong tâm. Và Hòa-thượng hỏi Thiền sư Tịnh Tạng: Vậy có được chăng? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Được. Xin Hòa-thượng từ bi chỉ dạy cho khuôn phép của Hòa-thượng. Hòa-thượng quán sát thấy Thiền sư Tịnh Tạng có khả năng làm pháp khí, nên liền giảng pháp cho nghe: Một vật còn ở tâm, chẳng ra khỏi ba cõi, có pháp là tục đế, Không tánh Đệ nhất nghĩa, lia tất cả các tướng, tức gọi là Chư Phật. Vô niệm tức vô tướng, hữu niệm tức lưỡng đối, vô niệm vượt ba cõi, hữu chấp thì còn trong ba cõi, vô niệm thì không phải, vô niệm thì không quấy, vô niệm thì không tự, vô niệm là không tha, tự tha đều lia, thành Phật Bồ-đề. Ngay lúc chánh niệm, vô niệm chẳng tự có. Nghe giảng pháp như vậy Thiền sư Tịnh Tạng vui mừng hơn hở, tự xin Hòa-thượng đổi pháp hiệu là Siêu Tạng, và thường theo hầu chẳng lia Hòa-thượng.

Có Thiền sư Tri Nhất là đệ tử Thiền sư Giác chùa Khai Nguyên ở Lũng châu, người thời bấy giờ gọi là vị tăng chất trực, tìm đến chỗ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Ông từ đâu đến? Thiền sư Tri Nhất đáp: Từ Lũng châu đến. Hòa-thượng hỏi: Ông đệ tử của ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ tử Hòa-thượng Giác. Hòa-thượng hỏi: Hòa-thượng Giác là đệ tử ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ tử của Hòa-thượng Lão Phước. Hòa-thượng hỏi: Ông hãy tự nói hành địa tự tu của ông xem? Thiền sư Tri Nhất liền trình bày bản sư chỉ dạy pháp Khán Tịnh. Hòa-thượng liền giảng nói cho nghe: Pháp không cấu tịnh, sao gọi là Khán Tịnh? Ở đây, tịnh do chẳng lập nhân sao lại có cấu? Khán tịnh tức là cấu, khán cấu tức là tịnh. Vọng tướng là cấu, không vọng tướng là tịnh, chấp ngã là

cấu, không chấp ngã là tịnh. Vô niệm tức là vô cấu, vô niệm tức là vô tịnh, vô niệm tức là không phải, vô niệm tức là không quấy, vô niệm tức là không tự, vô niệm tức là không tha. Tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Chánh lúc tự, thì tự cũng chẳng có. Thiền sư Tri Nhất tỏ ngộ ngay lời giảng ấy, đối với giảng pháp lại chẳng đổi dời. Hòa-thượng thấy Thiền sư Tri Nhất chí tánh thuần hậu, có tâm trung hiếu, nên lại đổi hiệu là Siêu Nhiên. Thiền sư Tri Nhất (Siêu Nhiên) chẳng lìa Hòa-thượng, vui chăm làm việc.

Có Thiền Sư Trung Tín ở Đãng châu, xem đọc hiểu rành các thứ thi thư, thích tánh nho nhã, bỏ các nghề nghiệp tìm đến chỗ Hòa-thượng thưa rằng: Trung Tín tôi là kẻ ở nơi góc biển, xa đến xin theo Hòa-thượng. Nói xong bèn đánh lễ. Hòa-thượng bảo: Đạo không xa gần, sao nói là xa gần? Trung Tín bạch Hòa-thượng: Sanh tử là việc lớn, nghe Hòa-thượng là bậc Đại từ bi, nên đến xin nương, chẳng vì ăn mặc, cúi xin Hòa-thượng soi xét. Hòa-thượng hỏi: Học sĩ lắm đủ tư lự, nếu muốn xả bỏ được thì mặc tình ở đây. Trung Tín đáp: Xin sớm được nghe đạo, tối chết cũng vui lòng. Thân mạng chẳng tiếc, hướng chi là văn tự. Hòa-thượng liền giảng pháp cho nghe: Tôn giả Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm, vô niệm không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng diệt, tự tại trong mọi lúc, chớ đuổi theo chớ chuyển, chẳng nổi chẳng chìm, không đi không dừng, chẳng động chẳng lay, chẳng hại chẳng đi, sống lao nhao, đi ngồi đều là Thiền. Thiền Sư Trung Tín nghe giảng pháp, sửng sờ không lay động, Hòa-thượng thấy vậy liền giải ngộ pháp Đại thừa, đổi tên là Siêu Tịch, ở trong núi thường ẩn mật, ban đêm thì ngồi Thiền chẳng để cho người biết, ban ngày thì trở lại chỗ cũ.

Có Pháp sư Pháp Luân hiểu kinh Niết-bàn chương số, thông minh học rộng coi chung quanh như không có người, tự cho mình là bậc nhất, nên đến sơn môn muốn vấn nạn Hòa-thượng. Từ xa thấy Hòa-thượng oai thân kỳ đặc, chẳng đồng như chư tăng, Pháp sư Pháp Luân liền đến trước mặt đánh lễ thăm hỏi. Hòa-thượng xa thấy biết là Pháp sư, liền bảo ngồi, sau đó, Hòa-thượng hỏi: Pháp sư hiểu kinh luận gì? Pháp Luân đáp: Hiểu kinh Niết-bàn. Hòa-thượng hỏi: Thế nào là hiểu kinh Niết-bàn? Pháp Luân liền nêu dẫn các chương số. Hòa-thượng bảo: Chẳng phải kinh Niết-bàn, đó đều là lời nói, lời nói là gốc của ba cõi, chân thật diệt nhân khổ. Lời nói là dối khác, chân thật lìa văn tự. Bồ-tát Cao Quý Đức Vương hỏi: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là Đại bát Niết-bàn? Phật dạy: Hết các động niệm, tâm tư tưởng dứt, pháp tướng như vậy, gọi là Đại bát Niết-bàn. Vậy vì sao cho lời nói vọng tướng là

Niết-bàn? Nếu nói như vậy tức là chẳng giải, sao gọi là giải Niết-bàn? Pháp Luân nghe giảng nói, không lời lẽ nào dám đối đáp. Hòa-thượng bảo: Hữu pháp là tục đế, Vô tánh là nghĩa bậc nhất, ngôn giải tức là trói buộc, thông minh là ma bày ra. Vô niệm là không trói, vô niệm không buộc, vô niệm là Niết-bàn, hữu niệm là sanh tử, vô niệm tức là thông minh, hữu niệm là ám độn. Vô niệm là không kia, vô niệm là không đây, vô niệm là không Phật, vô niệm là không chúng sanh, Bát-nhã; là trí Đại bi, không Phật không chúng sanh. Không có Phật Niết-bàn, cũng không Niết-bàn Phật. Nếu rõ điều này mà giảng giải, tức là chân thật giảng giải. Nếu chẳng phải như vậy, là phạm phu chấp tướng. Pháp sư Pháp Luân nghe nói như vậy, bèn cúi đầu xin quy y, thưa rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, ngày nay được gặp Hòa-thượng, mắt tối sáng lại, cúi xin Hòa-thượng từ bi thu nhận.

Có anh em hai vị tăng trú tại chùa Thiên Lâm ở Tuy châu đều thọ trì kinh Pháp Hoa, người thời bấy giờ gọi là Sử Pháp Hoa. Người anh pháp danh là Nhất Hạnh, người em là Tuệ Minh tìm đến xin nương tựa Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Từ đâu đến? ngày trước đã học giáo pháp gì? Sư Tuệ Minh đáp: Từ Tuy châu đến, chuyên thọ trì kinh Pháp Hoa mỗi ngày ba biến. Hòa-thượng hỏi: Trong phẩm An lạc hạnh nói: Tất cả các pháp là không, không thật có, không có thường trú, cũng không khởi diệt, đó gọi là nơi gần gũi của người trí. Tuệ Minh v.v... nghe nói xong, thưa rằng: Đệ tử mê mờ chìm đắm, chỉ biết y theo văn kinh mà tụng tập, chưa hiểu biết nghĩa lý, cúi xin Hòa-thượng dẫn dắt kẻ mê mù. Hòa-thượng liền giảng pháp cho nghe: Các pháp tướng vắng lặng, không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. Pháp ấy chẳng thể bày, tướng lời lẽ vắng lặng, lia tướng diệt tướng, tướng thường vắng lặng, hoàn toàn kết quy về không. Người thường khéo đối với vắng lặng mà thực hành, một niệm của hằng sa Chư Phật ẩn tàng thấy đều rõ biết. Nếu muốn ở trong núi, thì bỏ hẳn việc tụng tập, thường nhàn rỗi chẳng chấp mọi việc, có được chăng? Anh em Tuệ Minh v.v... biết việc tụng tập chẳng phải là tốt ráo, nên xin nương theo Hòa-thượng, Hòa-thượng lại giảng cho nghe: Vô niệm là không sanh, vô niệm là không tử, vô niệm là không xa, vô niệm là không gần, vô niệm là Sử Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa sử, vô niệm tức là chuyển Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa chuyển. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Tuệ Minh v.v... nghe xong, tâm ý thư thái, bèn ở trong núi, thường vui làm việc.

Có phu nhân và người con gái của Mộ Dung trưởng sử ở Khánh châu, chí ý mong cầu pháp Đại thừa, cả nhà mọi người lớn nhỏ đều

thuận theo, đến đánh lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi phu nhân: Từ đâu đến? phu nhân đáp: Đệ tử xa nghe Hòa-thượng có tâm Đại từ bi, nên đến kính lễ. Hòa-thượng liền giảng nói các thứ pháp yếu. Người con gái ấy nghe giảng, quỳ thẳng chấp tay bạch Hòa-thượng: Đệ tử là người có ba chướng năm nạn, thân chẳng tự tại, nên nay đến xin nương tựa Hòa-thượng, định muốn cắt đứt dòng sanh tử, cúi xin Hòa-thượng chỉ bày cho pháp yếu. Hòa-thượng bảo: Nếu được như vậy tức là đại trượng phu, đâu gọi là nữ? Và Hòa-thượng lại giảng pháp yếu cho nghe: Vô niệm tức là không phải nam, vô niệm tức là không phải nữ, vô niệm là không chướng, vô niệm là không ngại, vô niệm là không sanh, vô niệm là không tử. Ngay lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có, tức là cắt đứt dòng sanh tử. Người con gái ấy nghe giảng pháp, mắt chăm nhìn không nháy động, chẳng rời khỏi chỗ chừng khoảng bữa ăn. Hòa-thượng biết cô gái ấy có tâm quyết định, bèn ban cho pháp hiệu là Thường Tinh Tấn, và người mẹ (phu nhân) hiệu là Chánh Biến Tri, cạo tóc tu hành, dẫn đầu ni chúng. Về sau dẫn dắt người em là cháu gái của Tô Tế tướng, thông minh trí tuệ học rộng nghe nhiều, nếu có ai hỏi, không gì chẳng đáp, đến đánh lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng thấy có cương cốt chí tháo, liền giảng pháp cho nghe: Pháp ấy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, chẳng phải không chẳng phải chẳng không, phải quấy đều lia tất cả tướng, tức tất cả pháp, pháp qua mắt tai mũi thân tâm, pháp lia tất cả quán hạnh. Vô niệm là không hạnh, vô niệm là không quán, vô niệm là không thân, vô niệm là không tâm, vô niệm là không quý, vô niệm là không hèn, vô niệm là không cao, vô niệm là không thấp. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Cô gái ấy nghe giảng pháp, chấp tay thưa bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử là người nữ, tội chướng sâu nặng, ngày nay được nghe pháp rồi, cấu chướng đều dứt trừ. Thưa xong, buồn khóc rơi lệ, bèn xin ban cho pháp hiệu Liễu Kiến Tánh. Được ban pháp hiệu rồi, tự cạo tóc đắp mặc pháp y, cũng cùng dẫn đầu trong Ni chúng.

Hòa-thượng bảo: Ai là người báo ân Phật? Người nương pháp tu hành. Ai là người tiêu cúng dường? Người không bị việc thế tục lôi kéo. Ai người xứng đáng cúng dường? Người đối với pháp không chấp trước. Nếu tu hành được như vậy, tự có bếp trời cúng dường. Hòa-thượng nhìn các đệ tử và bảo: Nhiếp mình theo kẻ khác, muôn việc thủy đều hòa. Nhiếp kẻ khác theo mình, muôn việc đua nhau khởi. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Một niệm lông xoay quán tự tại,
Chớ cùng đồng học tranh đạo lý,*

Thấy cảnh tức là bậc trượng phu,
 Chẳng rõ tức đồng loại súc sanh,
 Chỉ tu hạnh của chính mình,
 Chớ thấy điều tà chánh của người khác,
 Miệng ý chẳng lường người khác,
 Ba nghiệp tự nhiên sạch.
 Muốn thấy cõi Phật tâm,
 Khấp kính tánh chân như.
 Gã thiện nam đối với tâm buồn tiếc hết,
 Tức tâm đạo nhãn mở sáng rõ như ban ngày.
 Nếu có lòng xoay hẹn tiếc tâm,
 Đạo nhãn ấy liền bị che chướng.
 Đó là hầm lớn đen tối,
 Không thể rõ, rõ thật biết khó ra.

Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

Nay ta ý hướng dần tốt,
 Đi đứng nằm ngồi đều rõ.
 Lúc nhìn không có vật để nhìn,
 Rốt cùng không có lời để nói.
 Chỉ được ý nghĩa trong đây,
 Giải cao gói gỡ đến sáng.

Chỗ Hòa-thượng dẫn đều là các kinh liễu nghĩa, pháp môn chỉ thẳng tâm địa, đều phá trừ lời nói. Điều Hòa-thượng giảng nói, thật chẳng thể giảng nói. Hòa-thượng bảo: Nay mong mọi người đồng học, chỉ y cứ nghĩa mà tu hành, chớ chấp trước lời nói. Nếu chấp trước lời nói thì tự mất phần tu hành. Trong kinh Kim Cang nói: Nếu chấp tướng pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Nếu chấp tướng phi pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Cho nên, không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Vì lý do đó, nên Đức Như lai thường dạy: Các Tỳ-kheo nên biết, pháp ta giảng nói như thí dụ chiếc bè, pháp còn đáng bỏ, huống chi là phi pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như người nghèo khổ, suốt ngày đếm vật báu cho người mà mình không có đồng nào. Người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng như vậy. Thí như với người điếc mà thổi âm nhạc. Kẻ ấy nghe mà chẳng nghe, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy. Thí như với người mù mà bày các hiện tượng, kẻ ấy thấy chẳng tự thấy, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng vậy. Thí như với kẻ đói mà bày cơm thức ăn, kẻ ấy no vì bụng đói, người đối với pháp

mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng như vậy. Thí như người lái thuyền biển, vượt được đến bờ kia, kẻ ấy đi tự chẳng đi, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy. Trong kinh Pháp Cú nói: Người nói ăn, chẳng bao giờ no. Trong kinh Phật Đảnh chép: A-nan giỏi ghi nhớ, nhưng chẳng khỏi rơi vào tà kiến. Tư giác sanh ra tư duy, thân tâm chẳng sánh bằng. Trải qua nhiều kiếp nghe nhiều chẳng bằng một ngày tu pháp Vô lậu. Trong kinh Phương Quảng chép: Một niệm nhiều loạn Thiên định, như giết chết tất cả chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Một niệm an trú trong Thiên định, như nuôi sống tất cả chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Trong kinh Duy Ma nói: Tâm chẳng trú trong, cũng chẳng ở ngoài, đó là an tọa. Nếu người được như vậy, Phật liền ấn khả cho. Không dùng tâm sanh diệt nói pháp thật tướng, pháp hơn mắt tai mũi lưỡi thân tâm, pháp lìa tất cả quán hạnh. Pháp tướng như vậy, đâu có thể nói? Cho nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngợi khen Duy-ma-cật, không có lời nói, là thật vào pháp môn Không hai. Hòa-thượng nói pháp vô niệm. Pháp vốn chẳng thật có. Hòa-thượng lại bảo: Với tri kiến dựng lập hay biết, tức là nguồn gốc của vô minh tri kiến không chấp thì đó tức Niết-bàn vô lậu chân tịnh. Lại phá bệnh tri, tri hành cũng vắng lặng, đó tức là đạo Bồ-đề. Lại phá bệnh trí, trí cầu nơi trí chẳng thật, trí cũng chẳng thật. Đã không thật có tức là Bồ-đề-tát-đỏa. Hòa-thượng lại bảo: Bồ-đề viên mãn kết quy về không thật có, không có chút pháp để được. Đó gọi là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại phá gốc bệnh, thế nào là gốc? Tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, xưa nay viên mãn, có gốc thì có lợi, vì có lợi nên tâm có nhật gom, thức gia được tiện thì luân hồi sanh tử. Gốc lìa, lìa kia, tức không nương tựa, ta và người đều lợi, thành Phật Bồ-đề, Phật không căn cảnh tướng, không thấy gọi là thấy Phật, đến rốt cùng giữa hư không, nung đốt tạo lập. Lại phá bệnh tịnh, bệnh Niết-bàn, bệnh tự nhiên, bệnh giác, bệnh quán, bệnh Thiền, bệnh pháp. Nếu người an trụ vào đó, tức là bị bệnh trú. Pháp chẳng như chẳng sạch, cũng không Phật Niết-bàn, pháp lìa quán hạnh, siêu nhiên bày đất ngồi, thức ấm bát Niết-bàn, xa lìa giác và sở giác, chẳng vào Tam-muội, chẳng trụ ngồi Thiền, tâm không được mất. Lại phá bệnh nhất, nhất cũng chẳng làm nhất, làm nhất phá các số. Một căn đã trở về nguồn, sáu căn thành giải thoát. Gom tâm vào một nơi, không việc gì chẳng xong. Sum-la và muôn tượng, chỗ ẩn của một pháp. Một vốn chẳng khởi, ba dụng không thiết bày. Tâm đó chẳng tính toán, là có năng lực đại quán. Các ông phải lìa chúng của chính mình và chúng khác. Chính mình tức là

tự tánh, chúng khác là vọng niệm. Vọng niệm chẳng sanh tức là tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Hòa-thượng có nói: Có duyên thì ngàn dặm cũng gặp, không duyên đối mặt với người cũng chẳng biết nhau, chỉ lúc nhận biết tức là thấy Phật. Đó là các kinh Liễu nghĩa. Hòa-thượng ngồi xuống. Bình thường dạy răn cho những người học đạo, sợ họ chấp trước lời nói, nên Hòa-thượng thường dẫn loài cua ở ruộng lúa để hỏi. Mọi người chẳng hiểu, Hòa-thượng lại dẫn thơ của Vương Phạm Chí:

*Tuệ nhĩn gần tâm không,
Chẳng mở lỗ đầu lâu,
Đối mặt nói không biết,
Nhiều vậy mẹ họ Đổng.*

Có vài người già bạch với Hòa-thượng: Đệ tử đều có vợ con trai gái quyến thuộc, nên xếp đặt xong đến xin nương theo Hòa-thượng học đạo. Hòa-thượng hỏi: Đạo không hình đoạn để tu, pháp không hình đoạn để chứng, chỉ nên không nhận chẳng nhớ chẳng niệm, trong tất cả mọi lúc đều là Đạo. Và hỏi các người già ấy có được chăng? Các người già ấy im lặng không trả lời, vì chưa hiểu. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Vợ là gông bít tai,
Gái trai chốt lan đan,
Ông là tứ mất giá,
Đến già không được chạy.*

Lại có các sư tăng ở Nhật Nam muốn đến Đài sơn nên lễ bái già từ Hòa-thượng để đi. Hòa-thượng hỏi: Các Đại đức đi đến đâu? Có vị tăng đáp: Đến đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Hòa-thượng bảo: Các Đại đức, Phật ở tại thân tâm, Văn-thù không xa, vọng niệm chẳng sanh tức là thấy Phật, đâu phải nhọc khổ đi xa. Các sư tăng cứ vẫn muốn đi, Hòa-thượng lại nói cho bài kệ rằng:

*Kẻ mê sóng gợn gợn,
Đến núi lạy sườn đất,
Văn-thù chỉ chẳng có,
Trái Phật tìm Di-đà.*

Xong Hòa-thượng hớp một ngụm trà. Lúc đó có Mạc phủ lang quan thị khanh tất cả ba mươi người đến lễ bái xong, ngồi yên định, hỏi Hòa-thượng: Có thích trà không? Hòa-thượng đáp: Thích. Và bèn nói kệ về trà rằng:

*Cốc sâu mọc cỏ linh,
Khá làm mối vào đạo,*

*Tiêu phu ngắt lá ấy,
Mùi vị rót vào chén,
Rỗng rang lắng hư thức,
Tâm sáng chiếu hội đài,
Chẳng nhọc hơi sức người,
Thẳng vút mở pháp môn.*

Các Lang quan do đó hỏi Hòa-thượng: Vì sao không dạy người tụng kinh niệm Phật lễ bái, đệ tử không hiểu? Hòa-thượng đáp: Tự chứng Niết-bàn rốt ráo, cũng dạy người như vậy, chẳng đem giáo điển bất liễu nghĩa của Đức Như lai, tự mình giải rồi khai ngộ cho người mới học, tức là người thẳng đến được Tam-muội. Hòa-thượng giảng xong, nghiêm nhiên không lay động, các Lang quan thị khanh đều ngợi khen là chưa từng có. Do đó tiếp hỏi Hòa-thượng: Vì sao chẳng dạy pháp sư tướng? Hòa-thượng đáp: Diệu lý Đại thừa rất chí lý rộng thoáng. Chúng sanh Hữu vi chẳng thể vào yếu chỉ kinh giáo. Bản tánh chúng sanh thấy tánh thì thành Phật đạo. Nếu chấp tướng thì đắm chìm. Tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt tức các pháp diệt. Tụng kinh lễ bái đều là khởi tâm, khởi tâm tức sanh tử, chẳng khởi tức là thấy Phật. Lại hỏi Hòa-thượng: Dạy người như vậy có được chăng? Hòa-thượng đáp: Được. Khởi tâm tức là trần lao, động niệm tức là lưới ma. Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương móc điện chớp, nên quán sát như vậy. Các quan nghe giảng pháp rồi, lưới nghi dứt trừ, đều xin làm đệ tử.

Lại có mấy mươi vị Đạo sĩ, mấy mươi vị Sơn nhân, Pháp sư, Luật sư cũng có hai mươi vị, đều là những bậc lãnh tụ ở Nhật Nam. Hòa-thượng hỏi các Đạo sĩ: Đạo mà nói được là đạo chẳng thường, danh có thể gọi là danh khác thường. Có phải đó là do Lão Quân nói chăng? Các Đạo sĩ đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng hỏi: Tôn sư hiểu nghĩa ấy chăng? Các Đạo sĩ im lặng không đáp. Hòa-thượng lại hỏi: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là tổn. Tổn đó lại đã tổn rồi. Còn như vô vi, vô vi nhưng không gì chẳng vi. Hòa-thượng lại hỏi: Trang Tử nói: Người nuôi sống chẳng sống, người giết sống chẳng chết. Các đạo sĩ đều không dám trả lời. Hòa-thượng bảo: Đạo sĩ thời nay chẳng có một người học theo đúng Quân Lão, chỉ học phỉ báng Phật. Các Đạo sĩ nghe xong, tái mặt chấp tay.

Hòa-thượng lại hỏi các Sơn nhân: Phu Tử nói Dịch có phải chăng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng lại hỏi: Phu Tử nói Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín phải chăng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng

lại hỏi: Dịch là gì? Các Sơn nhân đều không trả lời được. Hòa-thượng bèn vì giảng nói về Dịch, mà hỏi: Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động, cảm mà bèn thông, nghĩa ấy như thế nào? Các Sơn nhân đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại bảo: Dịch, không thay không đổi, là bản tánh của chúng sanh. Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động là bản tánh của chúng sanh. Nếu chẳng thay chẳng đổi, chẳng tư chẳng tướng tức là Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người Học ngày nay chẳng thấy bản tánh, không nhận biết chủ khách, gượng nhận tiền trần lấy làm học vấn, rất là sai lầm. Phu Tử nói: Vô tư, vô vi rất rõ ràng. Có Sơn nhân hỏi Hòa-thượng: Cảm liên thông, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp: Với Phạm Thiên, chẳng mong cầu mà Phạm Thiên tự đến. Với quả báo, chẳng mong cầu mà quả báo tự đến. Phiền não đã hết, tập khí cũng dứt. Phạm thiên, Đế-thích, Trời, Rồng đều đến cúng dường cung kính. Do đó, Đức Như lai vào thành khất thực, tất cả cây cỏ đều cúi đầu, tất cả núi sông đều hướng về Phật, hưởng chi là chúng sanh, đó là do cảm mà thông. Các Sơn nhân đồng một lúc đều lễ bái Hòa-thượng, và xin làm đệ tử.

Hòa-thượng lại hỏi các Đạo sĩ: Được trên chẳng mất được, do đó có được. Được dưới vì chẳng mất được, do đó không được. Nghĩa ấy thế nào? Các Đạo sĩ thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói cho. Hòa-thượng bảo: Người được trên không có tâm chỗ được. Vì không chỗ được tức là Bồ-đề-tát-đỏa. Không có chút pháp để được thì gọi là A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, tức là nghĩa của được ở trên. Được dưới không mất được, do đó không được. Người được dưới vì có chỗ mong cầu. Vì nếu có chỗ mong cầu thì có phiền não. Tâm phiền não tức là mất được. Đó là nghĩa mất được. Hòa-thượng lại bảo: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là tổn, nếu có tâm học, chỉ ghét trần lao sanh tử, đó là chẳng ích. Vì đạo gọi là Tổn. Tổn đó đã có, còn như vô vi nhưng không gì chẳng vi. Đại là bản tánh, chí đạo dứt bật lời nói. Vọng niệm chẳng sanh tức là ích. Lúc quán thấy tâm vương, tất cả đều xả ly, tức là có ích. Cho đến cả vô vi, lúc tánh rỗng không vắng lặng, là lúc thấy pháp ấy. Vô vi nhưng không gì chẳng vi, tức là chẳng trú vô vi, tu hành không khởi, chẳng lấy không khởi làm chứng tu hành ở không, chẳng lấy không làm chứng, tức là nghĩa không gì chẳng vi. Lại nữa, Trang Tử nói: Người nuôi sống chẳng sống. Vọng niệm chẳng khởi tức là chẳng sống. Người giết sống chẳng chết, nghĩa chẳng chết tức là không sanh. Lại nói: Đạo có thể nó là đạo chẳng thường, tức là bản tánh chúng sanh, lời nói chẳng đến được, tức là đạo chẳng thường, Danh mà gọi được là danh khác thường, cũng là bản tánh của chúng sanh, chỉ có lời nói, đều không thật nghĩa, chỉ có

danh, chỉ có tự. Pháp không thể nói, tức là danh khác thường. Các đạo sĩ nghe nói rồi, chấp tay thưa Hòa-thượng: Nếu theo điều giảng nói này tức là Phật và Đạo không hai. Hòa-thượng bảo: Không phải. Trang Tử, Lão Tử đều nói vô vi vô tướng, nói nhất nói tự nhiên. Phật thì không như vậy, đây nói nhân duyên, tự nhiên đều là hý luận. Tất cả Hiền thánh đều vì pháp vô vi mà có khác nhau. Phật tức chẳng trú vô vi, chẳng trú vô tướng, chẳng thấy ở Đại thừa. Người Nhị thừa say rượu Tam-muội, phạm phu say rượu vô minh. Hạng người Thanh văn trú tận trí, hạng người Duyên giác trú trí tịch tịnh, còn trí tuệ Như lai sanh khởi không cùng tận. Điều nói của Trang Tử, Phu Tử, chỉ cùng đồng hạng người Thanh văn v.v..., Phật quả trách hạng người Thanh văn như đuôi như điếc. Các hàng Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán v.v... đều là các bậc Thánh tâm còn mê hoặc. Phật chẳng nằm trong số chúng, vượt quá tất cả. Pháp không như sạch, pháp không hình tướng, pháp không động loạn, pháp không nơi chốn, pháp không lấy bỏ. Do đó vượt quá Khổng, Trang, Lão Tử. Phật thường ở thế gian mà chẳng nhiễm pháp thế gian, chẳng phân biệt thế gian nên kính lễ Vô sở quán. Điều Khổng Lão nói phần nhiều có chấp trước, tất cả đều là cảnh giới của Thanh văn Nhị thừa. Các đạo sĩ kính lễ đều xin làm đệ tử Hòa-thượng và im lặng tin nhận lắng nghe giảng pháp.

Hòa-thượng lại hỏi các Pháp sư: Thế nào là Phật bảo? Thế nào là Pháp bảo? Thế nào là Tăng bảo? Pháp sư im lặng không đáp. Hòa-thượng giảng: Biết pháp tức là Phật bảo, lìa tướng tức là Pháp bảo, vô vi tức là Tăng bảo. Lại hỏi các Pháp sư: Pháp không lời nói, sao gọi là nói pháp? Người nói pháp không giảng nói không nêu bày, người nghe pháp không nghe không đắc. Không có pháp để nói gọi là nói pháp. Thường biết Đức Như lai chẳng giảng nói pháp đó gọi là nghe nhiều đầy đủ. Pháp sư nói pháp như thế nào? Có Pháp sư đáp: Bát-nhã có ba thứ: một là Bát-nhã văn tự; hai là Bát-nhã thật tướng; ba là Bát-nhã quán chiếu. Hòa-thượng bảo: Tất cả văn tự đều không thật; không chỗ tựa nương, đều đồng một vắng lặng, xưa nay không chỗ động. Ngã và pháp không thật không hư. Pháp lìa tất cả quán hạnh. Các Pháp sư trở mắt nhìn nhau, không có lời nào để đối đáp.

Hòa-thượng lại hỏi các Luật sư: Thế nào là giới luật? Thế nào là quyết định tỳ-ni? Thế nào là rốt ráo tỳ-ni? Giới lấy gì làm thể, luật lấy gì làm nghĩa. Các Luật sư đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại hỏi các Luật sư: Có biết chủ và khách chăng? Có vị Luật sư thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói nghĩa chủ và khách. Hòa-thượng bảo: Đi và đến

là khách, chẳng đến chẳng đi là chủ. Tướng niệm không sanh tức ẩn mất chủ và khách, tức là thấy tánh. Ngàn muôn tư lự chẳng ích lợi đạo lý, nhọc làm loạn động, mất gốc tâm vương. Nếu không tư lự, thì không sanh diệt. Luận nghĩa là điều phục. Giới chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải sắc chẳng phải tâm là giới thể. Giới là gốc của chúng sanh. Chúng sanh xưa nay viên mãn, xưa nay thanh tịnh, lúc vọng niệm sanh thì xoay lưng với tuệ giác, hợp với trần lao tức là giới luật không đầy đủ. Lúc niệm không sanh tức là rốt ráo tỳ-ni, lúc niệm không sanh tức là quyết định tỳ-ni. Lúc niệm không sanh tức là phá hoại tất cả tâm thức. Nếu thấy trì giới tức là rất phá giới. Giới và chẳng phải giới thứ hai ấy là một tướng. Nếu biết được như vậy tức là Đại đạo sư, thấy Tỳ-kheo phạm tội nặng chẳng đọa vào địa ngục, thấy hành giả thanh tịnh chẳng vào cảnh Niết-bàn, nếu trú vào cái thấy như vậy tức là thấy bình đẳng. Luật sư thời nay nói xúc, nói tịnh, nói trì, nói phạm, làm tướng thọ giới, làm tướng oai nghi, cho đến ăn uống thấy đều làm tướng, nếu làm tướng thì đồng với các ngoại đạo năm thông. Nếu không làm tướng tức là vô vi, chẳng nên có thấy. Vọng tướng là nhớ, không vọng là tịnh, chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Trì phạm chỉ là buộc trói thân, chẳng phải thân không bị buộc trói, chẳng phải không khắp cùng tất cả, làm sao được viên thông? Nếu nói các trì giới, không thiện không oai nghi, giới tướng như hư không, người trì vì mê đảo, tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt. Tâm ấy như vậy, tội cấu cũng vậy, các pháp cũng vậy. Luật sư thời nay chỉ vì tiếng tăm lợi dưỡng, như mèo rình chuột, bước nhẹ từ từ đi, thấy phải thấy quấy, tự xưng là giới hạnh, đó đều là phá diệt Phật pháp, chẳng phải hạnh Sa-môn. Trong kinh Lăng-già nói: Ở đời sau người mặc áo ca-sa, tự vọng nói có và không, phá hoại Chánh pháp của ta. Đời sau ở trong giáo pháp ta làm người xuất gia vọng giảng nói tỳ-ni, phá hoại nhiều loạn Chánh pháp. Thà phá hủy thi-la (giới) chớ phá hoại Chánh kiến, trì giới sanh lên cõi trời, tăng thêm các ràng buộc, Chánh kiến đặc Niết-bàn. Các Luật sư nghe giảng, kinh sợ tái mặt, lo sợ không an. Hòa-thượng lại nói: Lìa tướng, diệt tướng, tướng thường vắng lặng đều kết quy về không, thường khéo vào hạnh vắng lặng, Chư Phật như Hằng sa ẩn tàng một niệm thấy đều rõ biết. Phật chỉ cho pháp năm năm học giới luật, sau năm năm rời thầy Tiểu thừa, tìm thầy Đại thừa, học pháp vô nhân ngã, nếu chẳng như vậy, Phật rất quở trách. Các Luật sư nghe xong, lưới nghi chóng xé toang, bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, giới luật đều xả bỏ, cúi xin Hòa-thượng từ

bi chấp thuận! Và cùng lúc đánh lễ, rơi lệ than khóc. Hòa-thượng bảo: Không nhớ, không niệm, tất cả pháp đều không nhớ, pháp Phật cũng không nhớ, pháp thế gian cũng không nhớ, chỉ nhàn không. Như vậy có được chăng? Các Luật sư đáp: Được. Hòa-thượng lại bảo: Thật như lúc được, tức là luật sư chân thật, tức là thấy tánh, ngay lúc thấy, thấy còn lia thấy, thấy chẳng thể bằng tức là thấy Phật. ngay lúc thấy, thấy cũng chẳng tự có. Hòa-thượng lại giảng: Khởi tâm tức là trần lao, động niệm tức là lười ma, chỉ nhàn không, chẳng nổi chẳng chìm, chẳng xoay chẳng chuyển, sống lao nhao trong tất cả mọi lúc thấy đều là Thiền. Các Luật sư nghe rồi mừng vui hơn hở, sau đó, im lặng ngồi nghe.

Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Các luận sư trước đã học vấn gì? Có vị Luận sư đáp: Giải trăm pháp. Hòa-thượng bảo: Giải một trăm pháp là một trăm cái tính lượng, tất cả chẳng giải là không tính lượng, không tính lượng tức là vô niệm. Vô niệm tức là không nhận chịu, vô niệm tức là không tự, vô niệm tức là không tha. Vì chúng sanh hữu niệm, nên giả nói vô niệm. Ngay lúc vô niệm, niệm cũng chẳng thật có. Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Lại còn hiểu kinh luận gì? Luận sư đáp: Giải luận Khởi tín. Hòa-thượng bảo: Khởi thì không tin tin thì không khởi. Hòa-thượng lại hỏi: Luận sư lấy gì làm tông? Luận sư không trả lời được. Hòa-thượng bảo: Lấy dẹp tà hiển chánh làm tông, trong luận nói: Là tướng nói năng, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, lia tướng niệm. Ngang bằng hư không, cùng khắp pháp giới, không đâu chẳng khắp. Như nay Luận sư chỉ giải, miệng bàn nói phương thuốc, không biết chủ khách, dùng tâm trôi lăn sanh tử để hiểu thích kinh luận, rất là sai lầm. Trong luận nói: Là lời nói tức chấp trước lời nói, là danh tự tức chấp trước danh tự, chỉ diễn giải ăn bánh nướng không biết táo trắng. Trong kinh Lăng-già nói: Cho đến có tâm chuyển, đó tức là hý luận, người không khởi phân biệt là người thấy tự tâm, dùng không tâm ý không thọ hành, mà bề dẹp hết các ngoại đạo, thấu đạt tướng các pháp không hề chướng ngại, cúi đầu lễ Như không Vô Sở y. Các Luận sư nghe nói xong, chấp tay đánh lễ Hòa-thượng.

Lại có các Thiền sư Đạo U, Pháp sư Mân, Luật sư Quan pháp danh Tự Viễn đến hỏi Hòa-thượng: Trong Thiền Kinh nói: Tham đắm Thiền vị là Bồ-tát trời buộc, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp: Pháp sư chấp tướng, trước tướng là chúng sanh trời buộc. Lại hỏi: Trong kinh nói: Người độn căn trí cạn, trước tướng kiêu mạn, những loại như vậy, làm sao độ được? Hòa-thượng đáp: Trong kinh nói: Là tướng, diệt tướng, tướng thường vắng lặng. Các Pháp sư, luật sư thấy đều trái lời

Phật dạy, chấp tướng, trước tướng, vọng nhận tiền trần lấy làm học vấn, như chó đuổi theo cục đất, cục đất liền tăng nhiều, Vô Trú tôi đây không như vậy, như sư tử buông cục đất mà theo người, cục đất liền tự đứt mất, tướng niệm náo động, phá hoại gốc lành, tánh ngộ an Thiền, tức trí vô lậu. Nếu tìm cầu theo tướng ngoài thì dù trải qua số kiếp như cát bụi cũng không bao giờ thể đắc. Còn với nội giác quán, chỉ trong sát-na, bèn thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề.

Khi ấy lại có Thiền sư Quảng Khánh, Thiền sư Ngô U, Thiền sư Đạo Yển, Thiền sư Đại Trí đều là đệ tử Thiền sư Kiên Thành, đến dự dưới pháp tòa của Hòa-thượng. Hòa-thượng vừa uống trà, Thiền sư Ngô U trông nhìn Hòa-thượng mà nói: Uống trà năm ba chén nhắm mắt ngồi, rất giống tráng sĩ ôm eo lưng người gầy, chợt khống khống khắp đất rộng đẹp. Hòa-thượng liền bảo Thiền sư Ngô U: Chớ nói năng trống rỗng, trong niên hiệu Vĩnh Thuần chẳng ăn bùn bánh bao. Thiền sư Ngô U nghe xong tái mặt. Hòa-thượng bảo: Ngày nay Sư này dùng tâm thế gian sanh diệt mà lường đạt Thiền, rất là ngu si. Khi ấy các bậc long tượng cùng giẫm xéo con lừa chẳng thể kham nổi. Hòa-thượng bảo Thiền sư Ngô U rằng: Vô Trú tôi sẽ nói cho nghe một câu thoại: Có một người lên đứng trên gò cao, có vài người bạn cùng đi đường, xa thấy con vật gì nuôi giữ. Có người khác bảo là: Mất bạn. Lại có người bảo là tìm bóng gió mát. Cùng nhau tranh cãi không nhất định, bèn cùng đến chỗ người đứng trên gò cao, hỏi: Ông mất cái gì? Người ấy đáp: Chẳng mất gì cả. Lại hỏi: Ông mất bạn ư? Người ấy đáp: không phải mất bạn. Lại hỏi: Ông tìm bóng mát ư? Người ấy đáp: Không phải tìm bóng mát. Lại hỏi: Cái gì cũng không, vì sao lên đứng trên gò cao? Người ấy đáp: Chỉ đứng vậy thôi. Xong Hòa-thượng bảo Thiền sư Ngô U rằng: Thiền của Vô Trú tôi không chìm không nổi, không đạt không dừng mà thật có dụng, dụng không sanh diệt, dụng không như sạch, dụng không phải quấy, sống lao nhao trong tất cả mọi lúc đều là Thiền.

Lại có Pháp sư Hùng Tuấn hỏi Hòa-thượng rằng: Hòa-thượng có nhập định chăng? Hòa-thượng đáp: Định không xuất nhập. Lại hỏi: Thiền sư có nhập Tam-muội chăng? Hòa-thượng đáp: Chẳng nhập Tam-muội, chẳng trụ ngôi Thiền, tâm không được mất, trong tất cả mọi lúc thấy đều là Thiền.

Lại có Pháp sư Pháp Duyên ở Lũng châu, họ Tào, xa nghe tiếng tăm Hòa-thượng, nên dẫn mẹ cùng đến núi Bạch nhai kính lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Ông giảng kinh luận gì? Pháp Duyên đáp: Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật. Hòa-thượng hỏi: Dùng số

luận của ai? Pháp Duyên đáp: Dùng luận của luận sư Vô Trước, Thế Thân, và số của luận sư Huy Đàn v.v.... Hòa-thượng hỏi: Trong kinh nói: Tất cả Chư Phật và A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề của Chư Phật A đều từ kinh này mà có ra. Vậy thế nào là kinh này? Hoàng Bá là kinh này ư? Giấy là kinh này ư? Pháp sư Pháp Duyên đáp: Thật tướng Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và Bát-nhã văn tự. Hòa-thượng bảo: Tất cả văn tự đều là không, chẳng chỗ y cứ, đều đồng một vắng lặng, xưa nay không hề động. Pháp lia tất cả quán hạnh. Trong kinh nói: Pháp ta không phải thật không phải hư. Nên nói có pháp để giảng nói tức là phỉ báng Phật. Pháp Duyên đáp: Y cứ chương số mà nói. Hòa-thượng bảo: Luận số của các luận sư Vô Trước, Thế Thân, Huy Đàn v.v..., sao như Phật nói? Pháp Duyên đáp: không như. Hòa-thượng bảo: Đã không như, vì sao chẳng y cứ lời Phật chỉ dạy? Trong kinh nói: Lia tất cả tướng tức gọi là Chư Phật. Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh để cầu Ta, người ấy thực hành theo tà đạo, không thể thấy Như lai. Kinh này thì là tâm này, thấy tánh thành Phật đạo. Vô niệm thì thấy tánh, vô niệm không phiến não, vô niệm thì không tự, vô niệm thì không tha, vô niệm thì không Phật, vô niệm là không chúng sanh. Chánh ngay lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng thật có. Nghe xong, Pháp sư Pháp Duyên chấp tay, bạch Hòa-thượng: Pháp Duyên con rất may mắn được gặp Hòa-thượng, hiện có mẹ già theo gần gũi nương tựa, cúi xin Hòa-thượng cho phép. Bèn ở lại trong núi, chẳng rời xa Hòa-thượng. Hòa-thượng bảo: Bát-nhã ba-la-mật, không thấy người báo ân, không thấy người tạo ân, Vô Trú tôi thực hành vô duyên từ, hành vô nguyện từ, hành bất nhiệt từ, hành vô ân từ, cũng chẳng phải kia cũng chẳng phải đây, chẳng hành pháp thượng, trung và hạ, chẳng hành hữu vi, vô vi, thật chẳng có pháp thật, chẳng làm lợi ích, chẳng làm tổn hại, không phước lớn, không phước nhỏ, vì không chỗ thọ nhận và trao các thọ nhận, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ nhận. Nếu muốn sám hối thì ngời thẳng quán niệm thật tướng, vô niệm tức là thật tướng, hữu niệm tức là luống dối, sám hối chú nguyện đều là luống dối. Hòa-thượng lại bảo: Ai là người báo ân Phật? Ai là người y theo pháp tu hành. Ai là người đáng thọ cúng dường? Người chẳng bị việc đời lôi kéo. Ai là người tiêu sự cúng dường? Người đối với pháp mà không chấp. Vô niệm là không lấy, vô niệm là không bỏ, vô niệm là không nhớ, vô niệm là không sạch, vô niệm là không trói, vô niệm là không buộc, vô niệm là không tự, vô niệm là không tha. Chánh ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Vô niệm tức Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là chú Đại thần, là chú

đại minh, là chú Vô thượng, là chú Vô đẳng đẳng, có công năng dứt trừ tất cả khổ, là chân thật, không luống dối. Sao đàn-việt ấy nhổ trừ vọng tướng, tỏ ngộ thể vô sanh, cuốn dứt nhiều lớp mây mà tỏa sáng mặt trời, nghiệp chướng chóng dứt trừ, mở toang vọng tướng để định tâm, vắng lặng chẳng động, nhị đế đồng tỏa chiếu, tức là chân thật thấy Phật. Đàn-việt chỉ y theo pháp này, không khinh mạn tư tu, tuy có mở bí cách trở xa xăm vẫn thường thấy, chẳng khác. Nếu trái ngược lý này thì trôi dạt dính mắc nơi căn trần, tư lự đua nhau đẩy khởi, tham nhiễm quá độ, thì dấu thường đối mặt mà xa vượt, khó có thể dụ đó!

Môn nhân trú tại chùa Đại Lịch Bảo Đường được Hòa-thượng truyền trao

Thiền môn Đại thừa đốn ngộ biên tả văn khen ngợi chân dung.

Sơn nhân Tôn Hoàn kể rằng: Đạo vốn không danh, người ngộ đạo mới biết được gốc ấy. Pháp vốn vô tướng, người thấu đạt pháp mới biết được nguồn ấy. Thấu đạt gốc tức là đạo, biết thể vi diệu của đạo có vô sanh, nhận biết được pháp tức là nguồn, thấy pháp tánh viên minh tự tại. Tại không chỗ tại, tại chẳng ngại đây kia. Sanh không chỗ sanh, sanh chẳng có ngăn mé của có không, nên Đức Phật Thích-ca giảng nói mười hai bộ loại phần pháp, tất cả rõ trong tâm, tức giảng nói không chỗ nói. Hòa-thượng (Vô Trú) chúng ta chỉ bày tám vạn trần tích, dạy thẳng thấy tánh, là chỉ bày không nói chỉ bày, cũng biết pháp là lời nói, pháp chẳng có lời nói thì chẳng rõ, pháp là thấy nghe, pháp chẳng có thấy nghe thì chẳng hiển bày. Do lời nói mà hiển bày nghĩa, chứng đắc nghĩa, quên lời nói. Cho nên biết thuận theo lời nói, thì lời nói hiển bày mà pháp mất, trái lại thấy nghe thì lời nói mất mà pháp hiển bày, không lời nói, vô ngã vô vi. Thể của vô vi là như như, lý của như như chẳng phải một, chẳng phải một, chẳng tự có, thật gọi là Bồ-đề, minh tâm thẳng tịnh, khắp cùng pháp giới tức nơi Hòa-thượng chúng ta. Môn đó truyền pháp đó, chỉ bày nghĩa vô niệm, chẳng động chẳng tịnh. Giảng nói môn đốn ngộ, không nhớ không niệm. Hòa-thượng có bảo môn nhân rằng: Pháp tức như vậy, lời nói chẳng thấu kịp. Tổ sư Đạt-ma-đa-la tôi truyền pháp yếu này, chính cùng thọ nhận. Đó là bí môn của Chư Phật, là Bát-nhã ba-la-mật, cũng gọi là nghĩa bậc nhất, cũng gọi là môn không hai, cũng gọi là thấy tánh, cũng gọi là Chân như, cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là Thiền môn. Tên gọi như vậy là sự giả nói của Chư Phật Như lai ở thời quá khứ. Nghĩa chân thật không có danh tự. Bấy giờ môn nhân được chỉ dạy, như thuyết tu hành mà đượm nhuần, cùng nhau khen rằng: Thân thang mệnh mạng thay! Như trông thấy hư không rỗng rang chẳng mảy

may có vết bụi. Đẹp đẽ thay! Như trông thấy bề cả mệnh mông không ngăn không mé, sâu xa biết đạo nói chẳng thể tới, mầu nhiệm không tên. Cảm đội ân Đại sư thương xót sự ngu mê của chúng ta, chỉ bày Chánh pháp cho ta, chẳng do thêm bậc thẳng đến Bồ-đề, nếu gặp các người học ta phải trao truyền chỉ bày. Nếu không có hình tướng thầy, đâu lấy gì nêu bày, bèn ngầm mời thợ khéo đắp họa chân dung Hòa-thượng, dung mạo oai quang tực rỡ, tướng tốt đầy đủ. Khiến người nhìn thấy dung mạo thì sẽ dẹp tà, người nương theo pháp thì sẽ thành đạt huyền diệu, lại thêm sâu sắc mà chưa thể lường. Cúi đầu chiêm ngưỡng gương làm bài khen ngợi rằng:

*Pháp tối thượng thừa
 Chẳng lý chẳng sự
 Khéo nói nhiều môn
 Đều về chẳng hai
 Ca-diếp đắc được
 Tây Vực truyền bá ở xứ Phật
 Đạt-ma lãnh thọ
 Lưu truyền đến đất đầm phương Đông
 Sự thì có hơn ngàn năm
 Thánh giả ba mươi bốn vị
 Chánh lớn nối nhau
 Đời đời tiếp nhận
 Đắc pháp kế hợp với nguồn đạo
 Truyền y nói lên chia chân nguy
 Thầy tôi thâm trao
 Đường đường hiển bày
 Mở rộng bí môn của Chư Phật
 Khai ngộ liễu nghĩa Đại thừa
 Chẳng thuận hữu vi
 Chẳng nương vô ký
 Là tướng là tánh
 Không ngu không trí
 Nghĩa chẳng có không
 Có không chẳng nghĩa
 Trái tâm phàm phu
 Vượt ý Hiền thánh
 Hạnh quá Ba thừa
 Chóng vượt mười địa*

Chẳng tự chẳng quả
 Không tha không tự
 Dụng Vô sanh tịch
 Ảnh thể đều lia
 Thấy không sáng tối
 Vô niệm là phải
 Bền mời thợ khéo
 Ngâm vì họa đắp
 Vạch tướng tốt sanh
 Trông thấy ứng thân cao vời
 Lia tướng và lời
 Thấy rõ pháp khí sâu rộng
 Được như dấu trời
 Cốt khác người phàm
 Điểm khéo tốt thay
 Cuối cùng được chân khí
 Dung mạo vắng lặng mà muốn nói
 Ánh mắt mấp máy sắp nhìn
 Ngửa mặt thấy công cao
 Chăm nhìn lại càng quý
 Chẳng có thầy tôi
 Pháp này sắp rơi.

Ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Đại Lịch năm thứ chín (774) thời Tiền Đường, Hòa-thượng bảo môn nhân đệ tử lấy cho y phục mới sạch, tắm gội xong, Hòa-thượng thay mặc y phục mới sạch ấy, hỏi các đệ tử: Đã đến giờ thọ trai chưa? Đệ tử đáp: Đã đến. Hòa-thượng căn dặn môn nhân đệ tử: Nếu là con hiếu thuận thì không được trái lời ta dạy. Ta sắp qua đời, sau khi ta đi, không được quẩn tang trên đầu, không được làm như người thế gian không tu hành khóc than và quẩn tang. Như vậy thì chẳng gọi là đệ tử ta. Khóc than là pháp thế gian. Với Phật pháp thì không như vậy, lia tất cả các tướng tức là thấy Phật. Nói xong, Hòa-thượng ngồi lặng lẽ mà thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi.

LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ (HẾT)

